

Đào Văn Hội

Anh Hùng Kháng Pháp

Miền Nam

(1860 – 1882)

1970

**Cháu ngoại Nguyễn Minh Điền
Đánh máy và trình bày
- 2009 -**

Tài Liệu Tham Khảo

- Việt Nam sử lược
 - Nỗi lòng Đồ Chiểu
 - Việt Nam tranh đấu sử
 - Lịch sử giải phóng Việt Nam
 - Việt Nam Tây thuộc sử
 - Abrégé de l'Histoire d'Annam
 - Monographies des Provinces de Cochinchine
 - Thủ khoa Nguyễn Hữu Huân ...
 - Tiểu sử Nguyễn Trung Trực ...
 - Tiểu sử Nguyễn Trung Trực ...
 - Sự tích Đồng Tháp Mười
 - Đường về Đồng Tháp
 - Kỷ niệm vị anh hùng dân tộc Gò Công
 - Nợ bút duyên văn
 - Những câu châm ngôn
- Trần Trọng Kim
Phan Văn Hùm
Phạm Văn Sơn
Hùng Ngôn và Bùi Đức Tịnh
Đào Trinh Nhất
Schneider
Nam Kỳ địa dư chí
Văn hóa nguyệt san,
bài của giáo sư Nguyễn Văn Kiết
Bài của Giang Minh Đoán
Tài liệu của ông Huỳnh văn Yển,
Chủ tịch Ủy ban Khảo cứu lịch sử Kiên Giang
Báo *Cách mạng quốc gia*
Bài của Nguyễn Nam Phong
Báo *Cách mạng quốc gia*
Bài của Nguyễn Nam Phong
Báo *Ngày Mới*, số 20 – 15/8/1958, bài của N.H.
Đạm Nguyên
Bách khoa số 64 – 69 – 73 – 77 – 78 – 81 – 84 – 85
– 87 – 89 – 90 – 95

Thay Lời Tựa

Bất cứ dưới thời đại nào, ở địa phương nào, người công dân cũng mến thương quê cha đất tổ. Mà tấm lòng ái quốc càng nồng nàn, càng tha thiết, khi quốc gia lâm vào tình trạng nguy nan, gặp phải ngoại bang xâm lăng, cướp Nước.

Trải qua mấy ngàn năm lịch sử, đồng bào ta đã bao phen đem xương máu đền nợ non sông, tranh thủ Tự do, Độc lập.

Hồi tưởng lại, cách đây hơn một trăm năm, đoàn quân Pháp viễn chinh ồ ạt đàn áp nước Việt Nam bé nhỏ, đoạt lũy chiếm thành, thôn tính sáu tỉnh miền Nam, song nghĩa quân ta, với gươm đao gậy gộc, với súng ống thô sơ, anh dũng chống lại súng đồng, tàu chiến, diễn cảnh

*... châu chấu đá xe,
tưởng rằng chấu ngã, ai dè xe nghiêng.*

Đã biết, lấy chi thành bại mà luận anh hùng, và Nam Phần đã chẳng may sống tủi nhục dưới ách đô hộ trên tám mươi năm, nhưng mà ta hãnh diện được những anh hùng dân tộc, những chiến sĩ vô danh, kháng chiến đến giọt máu cuối cùng, làm cho kẻ chiến thắng cũng thành kính nghiêng mình trước người chiến bại !

Hôm nay, đốt nén hương lòng, chúng tôi kính cẩn chép ra đây những trang sử oai hùng, những cuộc chống ngoại xâm bi thảm mà oanh liệt, nêu cao tấm gương ái quốc rạng ngời cho đồng bào Nam Trung Bắc soi chung, tưởng cũng là thi hành phận sự công dân trong muôn một.

Đ.V.H.

*Chỉ làm trai dặm nghìn da ngựa,
Gieo Thái Sơn nhẹ tựa hồng mao ;*

...

*Những người chinh chiến bấy lâu,
Nhẹ xem tính mệnh như màu cỏ cây*

Chinh phụ ngâm

*Ở đời muôn sự của chung
Hơn nhau một tiếng anh hùng mà thôi*

Ca dao

Chương I

Nguyên Do Nước Pháp

Xâm Lược Việt Nam

Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhơn

Nho giáo

*Ne faites pas aux autres ce que
vous ne voulez pas qu'on vous fasse*

Tạm dịch :

*Việc mình chẳng muốn mười mười,
Chớ đem thi thố cho người làm chi !*

Trong quyển *Việt Nam Sử Lược*, Trần Trọng Kim bàn về nguyên do sự nước Pháp xâm lược Việt Nam như vậy :

« Sau Đức Gia Long, trải qua ba triều vua kế, Minh Mạng, Thiệu Trị và Tự Đức, vua quan nước Nam ta cứ khư khư giữ lấy thói cũ, những tưởng nước mình đã là hùng dũng văn minh, không biết tùy thời mà cho ngoại quốc vào buôn bán, không biết nhân dịp mà khai hóa quốc dân, cho thanh niên xuất dương du học, lại vì sự sùng tín mà giết hại người trong nước, làm tội người giảng đạo Pháp và Y Pha Nho.

Bởi những lầm lỗi ấy nên Chánh phủ hai nước mới dùng võ lực mà báo thù cho những giáo sĩ bị hại ».

Nhưng sự thật là thế nào ?

Vua quan ta phải lỗi củ trăm phần trăm trong sự mất nước này chăng ?

Giáo sư Nguyễn Văn Quế, trong quyển « Histoire des Pays de l'Union Indochinoise », phân ra năm nguyên do của sự xâm lược ấy, theo thứ tự kinh trọng trước sau như vậy :

- 1) Về phần hậu bán thế kỷ thứ XIX, vì lẽ chánh trị, cần dùng bắt buộc phải tìm kiếm mở mang thuộc địa ;
- 2) Tình hình kinh tế cũng bắt buộc cần dùng có thuộc địa mới ; để hàng hóa sản vật của mình có thể tiêu thụ phát triển ;
- 3) Sự thế cần phải làm sao cho được tiếp cận với miền Nam và miền Tây Nam nước Tàu để xây dựng thế lực Pháp quốc ở trên Thái bình dương ;
- 4) Cần phải được tự do cho tàu bè mình chạy trong các thủy đạo nước Nam và quyền tự do nghiên cứu khoa học trong xứ nữa ;
- 5) Những việc hành phạt tôn giáo, thế lực của các giáo hội, hiệp với thế lực của các võ quan và các nhà ngoại giao đã quyết định nước Pháp phải ra tay can thiệp¹.

Những nguyên nhân ấy, đại úy Gosselin, tác giả quyển « Empire d'Annam » đã khéo tóm lấy đại yếu bằng mấy câu sau đây, tưởng ai chịu khó xét hiểu tình thế thiên hạ lúc bấy giờ, cũng phải nhìn nhận là lời nói công bằng và đúng với sự thật :

« Nhiều đồng bào ta không rõ câu chuyện này mấy, tưởng đâu nước Pháp ta buộc phải can thiệp vô việc nước Nam, chỉ có một nguyên do là để bình vực các cố đạo, hay là phục thù cho các ông, vì những sự bài xích, và phục thù cho đạo Thiên Chúa vì những hình phạt cấm ngăn.

« Kỳ thiệt, cố đạo chỉ là cái cớ để cho chúng ta ra tay hoạt động đối với nước Nam đó thôi.

« Ta mất Ấn Độ hồi thế kỷ thứ XVIII, kẻ cạnh tranh mãi mãi với ta là nước Anh kia mở mang thế lực họ ở miền Viễn Đông ngày càng thêm mau lẹ, buộc ta tất nhiên phải tìm cách nào mà để gót chơn vào hải phận Trung Quốc cho được mới xong, nếu không vậy thì ta bị truy lạc, không vậy thì ta bị chìm đắm vào cảnh thấp thỏi đáng khinh.

Nước Nam đã giúp cho ta cái cơ hội đó, tức là việc họ ngược sát người Pháp, mà những người Pháp ấy là giáo sĩ, thành ra họ khiến ta có cớ để can thiệp, tự nhiên ta nắm ngay lấy cơ hội ấy một cách vội vàng và dễ hiểu ».

¹ *Việt Nam Tây thuộc sử* của Đào Trinh Nhất, trang 127

(Nos compatriotes, peu au courant de l'Histoire, supposent que la France a été amenée à intervenir en Annam uniquement pour la protection des missionnaires, ou la vengeance à tirer d'actes d'hostilité commis contre eux et des persécutions exercées contre la religion catholique.

Les missionnaires n'ont été, en réalité, que le prétexte de notre action contre l'Annam.

La perte des Indes au dix-huitième siècle, l'extension de plus en plus rapide en Extrême-Asie de notre perpétuelle rivale, l'Angleterre, nous imposaient, sous risque de déchéance, sous peine de tomber dans un état d'infériorité méprisable, de prendre pied dans les Mers de Chine.

L'Annam nous a donné l'occasion ; le massacre des Français, qui se sont trouvés être des missionnaires, nous en a fourni le prétexte, nous l'avons saisi avec un compréhensible empressement...²⁾

Nhưng Vua Việt Nam không cấm đạo, bắt đạo, giết đạo sao được, chỉ vì thái độ lạ lùng của các giáo sĩ kia mà !

Ta hãy xem mấy giòòng chữ sau đây, do ngòi bút vô tư của một người Pháp, Adhémar Leclère, viết ra :

« Tôi phải nói gỡ trách nhiệm cho vua chúa nước Nam rằng các cố đạo Thiên Chúa đã gây nên một cuộc rắc rối lớn lao cho phong tục xứ này : nào cấm người ta thờ kính tổ tiên ; nào ngăn trở dân bôn đạo Việt Nam không được dự những cuộc đình đám hội hè trong làng, những cuộc ấy chính là lễ nghi tôn giáo, nào là buộc họ ra trước tụng đình không được thề như luật nước họ đã định, nhứt là đối với những người âu châu lui tới cùng là các thương cuộc của họ tại đây, các cố có những sự giao thiệp khiến cho con mắt người Việt Nam ngó thấy phải tưởng rằng chỉ có mục đích là sắp đặt cho ngoại nhơn sẽ can thiệp đến việc nước họ.

« Ban đầu hết, nhà vua hạ lệnh đuổi các Cố đi và cấm quan dân đón rước bao dung các Cố. Những Cố nào ẩn núp trong những nhà Việt Nam có đạo mà bị tố giác, bắt được, nhà vua sai chở từng Cố sang tận Tân Gia Ba hãn hời.

« Nhưng các Cố đã bị trục xuất đó lại tìm thế lén trở lại nước Nam rồi kể tiếp truyền đạo như thường, và đi luông tuông khắp xứ, chỗ nào các Cố ưng ý, cứ việc đi tới chỗ đó, không kiêng nể gì hết.

« Sự đó, ở châu âu người ta cho là tự nhiên, người ta khóc thương các Cố tử vì đạo, rồi các Cố khác chan chứa đức tin đi sang nước Nam để thay thế các Cố đạo ngộ hại.

« Thôi thì người ta nguyên rủa trách mắng vua nước Nam và các quan bên lương, chớ người ta không chịu nghĩ dùm rằng ngay trong lúc ở nước Nam hình phạt các giáo sĩ ngoại bang và dân bôn xứ theo đạo như vậy đó, chính ở nước Pháp ta, trong các đời vua Louis XIV, Louis XV cho tới Louis XVI, chúng ta cũng hình phạt tôn giáo mà không phải hình phạt người xa lạ nào, chính người Pháp hình phạt những người Pháp đi theo đạo cải lương.

« Bởi vậy, nếu trong thế kỷ XIX mà có những thầy tu đạo Phật lần mò tới miền Bretagne, Vendée, Maine và nhiều miền khác ở nước Pháp hay qua nước Ý Pha Nho, qua miền Nam nước Ý, để truyền đạo Phật, tất nhiên họ đã bị chém giết cả lũ, còn dã man hơn các Cố đạo Thiên Chúa bị ở nước Nam nữa kìa »³

² *Việt Nam Tây thuộc sử*, trang 125 - 126

³ *Việt Nam Tây thuộc sử*, trang 118-119-120

« Je dois dire à la décharge des rois d'Annam que les missionnaires catholiques apportaient une grande perturbation dans les usages du pays, en interdisant le culte des ancêtres, en empêchant leurs disciples annamites d'assister aux fêtes du village qui sont toujours religieuses, en leur défendant de prêter serment devant les tribunaux conformément aux lois du pays, surtout en entretenant avec les Européens et leurs Comptoirs des relations qui paraissent avoir pour but, aux yeux des Annamites surtout, l'intervention de ceux-ci.

« Tout d'abord, le roi ordonna l'expulsion des missionnaires et défendit de les recevoir. Il fit individuellement transporter à Singapour ceux qui, après s'être cachés chez les Annamites catholiques, étaient découverts et arrêtés. Ces missionnaires expulsés rentraient en cachette et continuaient de parcourir, d'exercer leur ministère partout où il leur plaisait d'aller. On trouvait cela naturel en Europe, on louangeait les missionnaires, on pleurait sur leur martyre, et d'autres missionnaires pleins de foi partaient pour remplacer ceux qui avaient succombé.

« On maudissait les rois d'Annam, les mandarins païens et l'on ne pensait pas qu'à l'heure même où les Annamites persécutaient les étrangers catholiques et les indigènes convertis par eux, en France, sous Louis XIV et sous Louis XV, même sous Louis XVI, on persécutait non des étrangers, mais des Français devenus protestants.

« Or, si des religieux bouddhistes avaient paru au XIX^e siècle en Bretagne, en Vendée, dans le Maine et dans bien d'autres contrées de la France, dans toute l'Espagne, dans l'Italie méridionale, pour y prêcher la loi du Bouddha, ils eussent été massacrés avec plus d'ensemble assurément que les missionnaires catholiques en Annam ».

Như thế, ta không nên hùa theo dư luận thiên tư mà trách vua quan ta về sự cấm đạo, cũng không nên tưởng vì sự cấm đạo mà phải vong quốc ; lúc bấy giờ Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức buộc phải cấm đạo là vì lo ngại về chủ quyền nước mình.

Các ngài ngó thấy Ấn Độ mất nước, Qua-va (Jiva) mất nước, Lữ Tống (Luçon) mất nước, thế lực đế quốc Âu châu càng ngày càng lan tràn qua Đông, mà binh lính đi tiên phong chính là Cổ đạo và lái buôn, thành ra các ngài cấm ngăn tôn giáo, đồng thời lại cự tuyệt cả ngoại giao thông thương với người ta.

Ta nên trách chằng là trách :

- Sĩ phu ta thời bấy giờ không có sức phản động tự thân, chỉ phó thác vận quốc cho vua quan, hay nhờ, dờ chịu ;
- Vua quan ta đến thời đại ấy mà còn tối tăm bảo thủ, không hiểu sức người sức mình, không biết duy tân tự tồn, đến đổi vong quốc. Những đề nghị cải cách của những ông có sáng kiến như Phan Thanh Giản, Nguyễn Trường Tộ đều bị bác bỏ !

Kế Hoạch Nhị Thập Niên

Chúng ta ngày nay thường nghe nói « Kế hoạch ngũ niên, kế hoạch thất niên » ; ngày xưa đã từng có « kế hoạch nhị thập niên », đó là kế hoạch của vua nước Việt là Câu Tiễn. Nước Việt đánh thua nước Ngô, vua nước Việt muốn phục thù, quyết định nhóm họp dân trong mười năm, rồi dạy dỗ dân trong mười năm, dự bị trong hai mươi năm, để đánh cho được nước Ngô.

Diễn cổ gọi kế hoạch ấy là kế hoạch : « Thập niên sinh tụ, thập niên giáo huấn »

B.K. 73/ 15-1-60

Chương II

Lịch Xâm Chiếm

Và

Lịch Kháng Chiến

Những sự phải đến, đã đến.

Từ tháng 2 năm 1859 đến tháng 6 năm 1867, quân đội Pháp lần lần chiếm cả lục Tỉnh Nam kỳ và ép buộc Triều đình Huế ký hai hòa ước bất bình đẳng :

- *Hòa ước năm Nhâm Tuất*, ngày 5/6/1862
- *Hòa ước năm Giáp Tuất*, ngày 15/3/1874
nhường Nam kỳ làm thuộc địa nước Pháp.

Trong cảnh Nước mất Nhà tan, dân ta điêu linh diên bái hồi ấy thế nào, ta hãy đọc mấy câu sau đây trong bài thơ « Chạy giặc » của Cụ Nguyễn Đình Chiểu thì rõ :

*Bỏ nhà lữ chó băng xăng chạy,
Mất ổ bầy chim dáo dạt bay ;
Bến Nghé cửa tiền tan bọt nước,
Đồng Nai tranh ngói nhuộm màu mây !*

và đây là cảnh tàn cư tránh giặc, do ngòi bút đầy thiết tha cảm động của Cu Đồ vẽ ra :

*Vì câu danh nghĩa phải đi ra,
Day mũi thuyền Nam dạ xót xa ;
Người dễ muốn chi nương đất khách,
Trời đà khiến vậy mền vua ta.*

Sau đây chúng tôi xin trình bày cùng độc giả bảng *Lịch xâm chiếm Nam Kỳ*

1859

2 tháng 2	Hải quân Trung tướng Rigault de Genouilly đem binh thuyền vào cửa Cần giờ
11/2	Phá hủy pháo đài Cap Saint Jacques (Vũng Tàu)
13, 14 và 15/2	Bắn phá mấy đồn lũy hai bên bờ sông Đồng nai và sông Sài gòn
16/2	Đến thành Sài gòn
17/2	Đổ bộ
18/2	Chiếm lấy thành – Hộ đốc giữ thành là Võ Duy Ninh tự tử
8/3	Bang thành trì làm bình địa
1/11	Thiếu tướng Page sang thay De Genouilly

1860

23/3	Thiếu tướng Page về Gia định sau khi đốt phá ở Trà sơn (Trung Phần)
------	---

1861

8/2	Trung tướng Charner thay thế Thiếu tướng Page
24/2	Trung tướng Charner hạ đồn Cây Mai
25/2	Hạ luôn đồn Kỳ hòa (Chí hòa). Lareynière và Testard tử trận
28/2	Hạ đồn Thuận kiều – Chiếm lấy Hóc môn
10/4	Tấn công các đồn trên sông Bảo định hà (Arroyo de la Poste) ; Trung tá Bourdais trúng đạn chết

12/4	Đánh chiếm thành Mỹ tho. Hộ đốc Nguyễn Công Nhân bỏ thành chạy
Tháng 6	Chiếm Gò công
28/11	Hải quân Thiếu tướng Bonard sang thay Trung tướng Charner
10/12	Chiếm lấy hòn Côn nôn
14/2	Đánh lấy Biên hòa

1862

7, 9 tháng giêng	Đánh lấy đồn Bà rịa – Đề đốc Lê Quang Tuyển rút lui
28/2	Chiếm Vĩnh long
5/6	Phan Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp ký kết hòa ước với Bonard, gọi là <i>Hòa ước năm Nhâm Tuất</i> , nhượng ba tỉnh miền Đông : Biên hòa, Gia định, Định tường cho Pháp

1863

30/4	Bonard giao việc cho Thủy sư đô đốc De la Grandière
25/5	De la Grandière dạy rút quân trong thành Vĩnh long đi
4/7	Sứ bộ Việt Nam xuống tàu « L'Européen » sang Pháp xin chuộc ba tỉnh miền Đông
10/9	Đến hải cảng Toulon
5/11	Được vua Napoléon III tiếp rước trọng thể

1864

18/3	Sứ bộ về đến Sài gòn
------	----------------------

1865

29/1	De la Grandière được chỉ truyền chiếu Hòa ước 5/6/1862 mà thi hành
30/3	De la Grandière về Pháp
27/11	Lại trở sang Nam Kỳ

1866

20/1	Phan Thanh Giản vào làm Kinh lược sứ tại Vĩnh long
17/4	Binh Pháp lấy đồn Tháp mười

1867

19/5	De la Grandière đưa thơ cho Cụ Phan, buộc giao 3 Tỉnh miền Tây Vĩnh long, An giang và Hà tiên
20/6	Quân Pháp đoạt thành Vĩnh long
22/6	Chiếm An giang (Châu đốc)
24/6	Chiếm Hà tiên
25/6	De la Grandière bố cáo trọn xứ Nam Kỳ từ đây thuộc về Pháp quốc
4/8	Cụ Phan từ trần
15/3/1874	<i>Hòa ước năm Giáp Tuất</i> : Triều đình Huế nhìn nhận sáu Tỉnh Nam Kỳ là thuộc địa nước Pháp

Phản đối chiến tranh

Horace (Odes) có câu thơ cực tả cảnh chiến tranh tàn khốc : « Bella matribus detestata » (Les guerres dont les mères ont horreur, chiến tranh mà các bà mẹ đều ghê tởm)...

Câu thơ ấy phản ánh trong câu thơ của A. Barbier, vịnh cái đồng trụ tại cổng trường Vendôme nước Pháp, do chính đại quân Pháp thời Nã Phá Luân đã khuân tự một địch quốc về đặt lên đó :

« Ce bronze que jamais ne regardent les mères » (Cái đồng trụ mà chẳng có bà mẹ nào ngó tới)

B.E. 84 – 1/7/1960

Nhưng, xâm chiếm là một việc mà bình định lại là một việc khác.

Lòng ái quốc, tánh chuộng tự do, chí quật cường của dân tộc Việt Nam ta đã nêu ngàn thu trong sử sách, bao giờ ta chịu cảnh nhục nhã khuất phục làm nô lệ người mà không tìm cách giữ gìn Tự do, Độc lập ; và, nếu rủi ro, Tự do Độc lập có mất đi thì cương quyết giành giật lại.

Nên chi, sau Hòa ước 1862, mặc dầu Triều đình Huế ra lệnh cho các quan Nam Triều phải ngưng tất cả cuộc hành binh, và không chấp thuận lời yêu cầu của dân chúng miền Nam xin quyết chiến cùng người Pháp, trong những vùng Pháp chiếm đóng cũng như những khu độc lập, nhân dân thành lập đội ngũ, không ỷ lại vào sự tiếp tế đạn dược của Triều đình, quyết kháng chiến đến cùng, thực hành câu châm ngôn : « Quốc gia hưng vong, thất phu hữu trách ».

Và trong hàng văn nhân thi sĩ, có người chủ chiến như Nguyễn Đình Chiểu, Phan Văn Trị (tức Cửu Trị)... dùng ngòi bút mà phân khởi nghĩa binh, trong lúc người khác, như Tôn Thọ Tường, lại chủ hòa.

Suốt hai mươi năm trường, năm nào cũng có những cuộc khởi nghĩa không tính này cũng huyện nọ, bất chấp những cuộc đàn áp quân đội viễn chinh.

Dưới cờ Cần vương, ở bước đầu tiên khi quân Pháp đặt chơn lên đất Việt, có bốn cuộc khởi nghĩa quan trọng nhứt mà đến bây giờ dân chúng miền Nam cũng chẳng thể quên, mặc dầu thời gian đã qua ngót trăm năm.

Đó là những cuộc khởi nghĩa của bốn vị anh hùng :

- Trương Định 1862 – 1864
- Nguyễn Trung Trực 1861 – 1868
- Thủ khoa Huân, tức Nguyễn Hữu Huân 1863 – 1874
- Thiên hộ Dương, tức Nguyễn Duy Dương : 1865 – 1866

Trước khi đề cập đến bốn cuộc khởi nghĩa vang dội này, chúng tôi tưởng có phận sự chép chung sau đây những cuộc khởi nghĩa khắp Nam Kỳ, từ 1861 đến 1882 mà quân đội Pháp khổ tâm đánh dẹp mãi mới yên, hao quân tổn tướng rất nhiều

Lịch kháng chiến

1861

Ngày 10 tháng 12, *Nguyễn Trung Trực* đốt chiếc tàu « l'Espérance » tại vàm Nhựt táo, Tân an, nay là Long an.

1862

Tháng chín, một nhà ái quốc là *Trịnh Quang Nghi* tổ chức một đội quân dũng cảm, tình nguyện trong tỉnh An giang, mục đích là đánh đuổi người Pháp.

Trịnh Quang Nghi gặp một đám 44 người Việt Nam theo đạo Thiên chúa đương tìm cách liên lạc với người Pháp.

Ông hết lời khuyên can họ nhưng vô hiệu quả, rốt cuộc ông phải hạ lệnh tàn sát tất cả.

Phan Thanh Giản gửi về Triều một từ phúc trình về vụ ấy và yêu cầu trừng phạt Trịnh Quang Nghi.

Nghĩ vì Trịnh Quang Nghi làm phận sự một thân dân, vua Tự Đức xuống chỉ bảo ông vô tội và phóng thích ông.

1862 – 1864

Lãnh binh Trương Định khởi nghĩa quân lớn lao tại Gò công, có *Hồ Huân Nghiệp*, *Phan Văn Đạt*, *Nguyễn Thông* và *Bùi Quang Là* (gọi Đốc binh Là) phụ tá.

Người em út của Đồ Chiểu là *Nguyễn Đình Huân* (1841 – 1863) theo Đốc binh Là, bị tử trận tại Cần giuộc, năm Quý Hợi (1863).

Ngày 6/4/1862, nghĩa binh đánh phá Chợ lớn, đốt năm chục nóc gia từ sông Arroyo Chinois tới đồn Cây mai.

1863

Năm này, *Quản Sư* khởi nghĩa tại Biên hòa và Bà rịa, nhưng thất bại, bị hành hình tại Bà rịa ngày 9/5/1863.

Cũng năm 1863, *Thủ khoa Huân* tức *Nguyễn Hữu Huân* khởi nghĩa ở làng Bình cách, tổng Thạnh quon, quận Chợ gạo, tỉnh Định tường.

Việc lớn không thành, Huân bị bắt ở Châu đốc rồi bị đày nơi đảo Réunion.

1864

Nhóm cựu thần nhà Nguyễn gọi là *Đảng Cựu* mưu khôi phục Vĩnh long.

Thanh thế chưa được bao nhiêu đã bị tan rã.

Tại quận Đức hòa, tỉnh Chợ lớn, nay là tỉnh Long an, Nguyễn Văn Tài khởi nghĩa ở Ba hầm, ấp Bình tuy.

1865 – 1866

Dân chúng khởi nghĩa ở Mỹ trà, tỉnh Sa đéc, nay là tỉnh Kiến phong.

Thiên hộ *Nguyễn Duy Dương* cứu hiểm Đồng Tháp Mười.

Cũng lấy Đồng Tháp Mười làm căn cứ, có cuộc khởi nghĩa nổi tiếng vang dội của Đốc binh *Lê Công Kiều*. Từ những thành Mỹ tho và Tân an vừa thất thủ, Đốc binh Kiều rút về Tháp Mười hùng cứ cả một vùng Mỹ quý.

1866

Trương Huệ, cũng gọi là *Cậu hai quyền*, là con Trương Định, khởi nghĩa ở Tây ninh, có nhiều lính Tagals của Pháp đào ngũ theo giúp Việt quân.

1867

Tại tỉnh Bạc liêu, nay là Ba xuyên, nghĩa quân nổi dậy dưới sự chỉ huy của hai anh em *Đỗ Thừa Lương* và *Đỗ Thừa Tự*, con viên quan Nam Triều là *Đỗ Văn Nhân*.

Tháng 11, hai người con của Phan Thanh Giản là *Phan Tôn* và *Phan Liêm*, tức Phan Tam và Phan Ngũ (?), nổi lên chống cự người Pháp tại Bến tre, nay là Kiến hòa.

Cuộc khởi nghĩa lan tràn qua mấy tỉnh lân cận, Trà vinh, Mỹ tho và Cù lao Mỏ cày, tức huyện Duy minh, nhưng trung tâm kháng chiến ở tại huyện Bảo an, miền nam tỉnh Bến tre.

Nhờ uy tín Cụ Phan, dân quân hưởng ứng đông đảo, xây đồn đắp lũy khắp nơi.

Quân đội Pháp rất khổ nhọc chiếm từ đồn này đến đồn khác.

Cuộc chống Pháp thất bại, mấy người con cụ Phan xuống thuyền ra Bình thuận.

Cũng năm 1867, *Định Sâm* khởi nghĩa binh tại Láng hầm (?) hiện nay là kinh bà Bang (?) tỉnh Cần thơ (Phong dinh) và giết cai tổng Định bảo là Nguyễn Văn Vinh.

Nghĩa binh bị đội Trần Bá Lộc và đội Huỳnh Công Tấn giải tán.

1868

Ngày 5 tháng 2, nghĩa quân tập kích đồn Hương điền, cuối rạch Bến tre.

Tháng 7, quân đội Pháp đánh chiếm một cái trại lập tại Cái mít và sanh cầm một viên đề đốc.

Tháng 8, một người cháu cụ Phan, tên *Lữ* (?), tử trận trong một cuộc tấn công cc làng Phú ngãi và Tân điền, huyện Bảo an.

Vì tình thế địa lý tỉnh Bến tre, nhiều sông rạch, nên cuộc hành quân của Pháp thuận lợi trong việc đánh dẹp nghĩa quân.

Ngày 16/6/1868, *Nguyễn Trung Trực* đánh chiếm đồn Rạch giá (Kiên giang) giết hại người Pháp rất nhiều.

Cũng năm 1868, *Thân Văn Nhíp* khởi nghĩa ở Mỹ Tho (Định tường) và Tân an (Long an).

1869

Tháng 5, một nhóm Nghĩa quân có súng ống tấn công làng Đồng xuân, huyện Bảo an (Bến tre) giết viên cai tổng và người em làm xã trưởng, rồi rút về Định tường.

Cũng năm ấy, Trương Huệ lại khởi nghĩa ở Biên hòa.

1870

Huệ dấy binh ở Cai lậy (Mỹ tho) rồi tử trận tại đây.

1871

Nghĩa quân nổi lên ở Cà mau và Bạc liêu.

1872

Quản Hớn và dân quân khởi nghĩa ở « 18 thôn vườn trâu » tại Gò vấp, Hóc môn và Bà điếm (Gia định).

Nghĩa binh chống cự mấy ngày, tử trận gần hết, còn sót lại hơn 70 người, thề nguyện với nhau, cùng đánh tới chết không một người nào chịu hàng.

Cũng năm 1872, *Lê Văn Thanh, Phạm Văn Đông, Âu Cương Lân, Lâm Văn Lễ* khởi nghĩa ở mấy tỉnh Vĩnh long, Long xuyên, Cần thơ, Bến tre và Trà vinh.

Tại Vũng liêm (Trà vinh, nay là Vĩnh bình), viên tham biện Saliceti, là hải quân đại úy, khinh địch, dặt một toán binh đi tuần tiễu.

Lọt vào ổ phục kích, Saliceti bị nghĩa quân giết chết, chặt đầu bêu trên ngọn dáo cắm giữa ruộng và trồng lên thủ cấp chiếc képi có ba chỉ vàng.

Trần Bá Lộc vâng lệnh Pháp dẫn một toán thân binh đa số là người Miên đi tiễu trừ, gặp nghĩa quân tại đồng Long thế (?) xáp chiến dữ dội suốt 24 giờ.

Quân ta rút lui.

Trần Bá Lộc đàn áp tàn nhẫn, quân Miên giết người Nam không gớm tay !

Tháng 2 năm 1872, từ Vĩnh long, nghĩa quân kéo đến Mỏ cày (Bến tre) tấn công hai thị trấn Thiên chúa giáo là Cái nhum và Cái môn, giết một viên cai tổng.

1872

Trần Văn Thanh tức *Đạo Lành* khởi nghĩa ở Bãi Thừa (?) vùng giữa mấy tỉnh Hà tiên, Châu đốc, Rạch giá và Long xuyên.

1874

Nguyễn Xuân Phong và Đoàn Công Bửu khởi nghĩa ở Cầu ngan (Trà vinh) giết một viên quan Pháp.

Năm ấy, Nguyễn Văn Bường, đạo Cần vương, khởi nghĩa ở Hóc môn.

1875

Lê Tấn Kế và *Trần Bình* khởi nghĩa ở Bến tre và Ba động (Trà vinh).

Thủ khoa Huân ở đảo Réunion về, lại khởi nghĩa binh ở Mỹ tho, bị bắt và thọ tử hình tại Phú kiết.

1882

Nguyễn Văn Qua, Nguyễn Văn Xe và *Huỳnh Văn Tích* khởi nghĩa tại làng Mỹ hạnh, quận Đức hòa (Chợ lớn). Bị bắt tại kinh Phú thọ, trong lúc điều binh về Gia định.

Trong lúc đoàn quân viễn chinh Pháp gieo tang tóc trên miền Nam đất Việt thì một đại văn hào Pháp là Victor Hugo, trong bài thi bất hủ dưới đây, không tiếc lời ca tụng thái độ anh hùng của những đứa con Tổ quốc, trước làn tên mũi đạn chống xâm lăng, xem tấm thân nhẹ tựa lông hồng.

Thật là cảm động thay mà cũng mỉa may thay !

Morts pour la Patrie

*Ceux qui, pieusement sont morts pour la Patrie,
Ont droit qu'à leur cercueil la foule vienne et prie.
Entre les plus beaux noms, leur nom est le plus beau.
Toute gloire passe près d'eux et tombe éphémère,
Et comme ferait une mère,
La voix d'un peuple entier le berce en leur tombeau.*

*Gloire à notre Patrie éternelle, ⁴
Gloire à ceux qui sont morts pour elle.
Aux martyrs ! Aux vaillants ! Aux forts !
A ceux qu'engamme leur exemple,
Qui veulent prendre leur place au temple
Et qui mourront comme ils sont morts !*

Và đây là bài dịch nghĩa của Cụ Đạm Nguyên :

Vì quốc vong thân

*Kìa người vì nước quên thân,
Trước quan tài được quân dân nguyện cầu.
Phương danh ấy còn đâu hơn nữa,
Trải xưa nay vinh dự nào bằng ?
Trước mồ công chúng khóc thương,
Tựa hồ tiếng mẹ dịu dàng ru con.*

*Ngàn muôn năm : Giang sơn Tổ quốc,
Vinh cho ai vì nước quên mình !
Nào người dũng cảm, tinh anh,
Nào người nghĩa hiệp nổi danh ở đời.
Nếu những muốn dự đài chiến sĩ,
Hãy hi sinh theo chí người xưa.
Tấm gương anh dũng chưa mờ,
Tận trung báo quốc, ấy là thác vinh !*

⁴ Nguyên văn là « Gloire à la France éternelle », dịch giả là Cụ Đạm Nguyên đổi chữ *France* ra chữ *Patrie* cho hợp thời. (Trích *Nợ bút duyên văn* Xuân Canh tý của Đạm Nguyên)

Chương III

Những Cuộc Kháng Chiến

Quan Trọng

- Trương Công Định
- Nguyễn Trung Trực
- Thủ Khoa Huân
- Thiên Hộ Dương

*Chết mà vì Nước, chết vì Dân,
Chết đáng nam nhi trả nợ thân ;
Chết bởi Đông Chu hồi thất quốc,
Chết vì Tây Hán lúc tam phân.
Chết như Hưng Đạo hồn thành thánh,
Chết tựa Trưng Vương phách hóa thân.
Chết Cụ Tây Hồ danh chẳng chết,
Chết mà vì Nước, chết vì Dân.*

Phan Sào Nam (?)

Ông Lương Trọng Minh (báo Tự Do số 1452 ngày 19/1/1962) cho rằng bài này của Cụ Nghiêu Giang Đặng Văn Bá (?)

Trương Công Định (1820 – 1864)

Năm 1945, tháng tám, tỉnh Gò công (là tên của Chánh phủ đô hộ đặt ra) được đổi tên là « Tỉnh Trương Công Định ».

Vì sao có cuộc thay đổi rất danh dự cho Trương Công như vậy ?

Là vì tên của ông quan hệ mật thiết với tỉnh Gò công là nơi, suốt bốn năm trường, từ 1861 đến 1864, ông làm cho quân Pháp lo lắng khổ sở.

Tháng tư năm 1861, đội binh viễn chinh Pháp chiếm tỉnh Định Tường, tháng sáu, chúng chiếm Gò công.

Ngày 22 tháng sáu, năm giờ sáng, Tri huyện sở tại là Đỗ Trinh Toại cầm một đạo 600 nghĩa quân tập kích Gò công bị trung úy thủy binh Paulin-Vial đánh lui và ông tử trận, song Vial cũng bị trọng thương.

Sau đó, Lãnh binh Trương Định thay thế Huyện Toại mà điều khiển đạo binh ứng nghĩa.

Vial kêu cứu về Sài gòn, ngày 24/6, tướng Lebris xuống tiếp viện, bị quân họ Trương đánh úp tại Rạch lá, phải cầu cứu nữa.

Viện binh cũng bị quân ta phục kích nhiều trận ở Cửa Khâu và Trại Cá.

Trương Định là người thế nào ?

Ông sanh năm 1820 (canh thìn) tại Quảng nam, có học chữ Nho, nhưng chuyên võ nghệ, đầu tiên ra coi lính giữ đồn điền.

Năm 40 tuổi, ông được thăng thưởng Quản cơ dự chiến can đảm trong trận Chí hòa chống Pháp.

Theo Legrand de la Liraye, những đồn của Trương Định rất vững chắc, và nếu tướng Tôn Thất Hiệp chịu để cho Trương nhiều sáng kiến hơn, thì quân xâm lăng rất có thể bị nhiều thất bại.

(Les postes de ce jeune officier étaient très bien tenus et il semble, dit Legrand de la Liraye, que si le Commandant en chef Tôn Thất Hiệp lui avait laissé une plus grande initiative, nous aurions pu subir des pertes sérieuses, peut-être même un échec ę G. Taboulet kể).

Hồi đó, viên đại úy Barbé đóng đồn tại chùa Khải Tường ; chùa này do vua Minh Mạng truyền lập năm 1832, để kỷ niệm việc bà Thuận Thiên, con ông Trần Hưng Đạt, Tham tri Bộ Lễ và là vợ hai của vua Gia Long đã sinh hạ Hoàng tử Đảm năm 1791 tại nơi này. Vị trí chùa ở trong vườn viện Đại học Y Dược cũ Sài gòn bây giờ, ở góc hai con đường Trần Quý Cáp (Testard cũ) và Lê Quý Đôn (Barbé cũ) phía sau trường trung học J.J. Rousseau, nay là « Trung tâm giáo dục Lê Quý Đôn ».

Đêm 7/12/1860, Barbé trong đồn cỡi ngựa đi ra, đến một khúc quanh cách chùa Khải Tường ba mươi thước gần một bụi rậm thì kháng chiến quân của Trương Định xông ra đâm viên đại úy nhà tù trên mình ngựa xuống mà chết.

Quân ta rút lui về Hòa hưng để nhập đồn Chí hòa.⁵

Sau trận phục kích đó, quân đội Pháp thiêu hủy chùa Khải Tường, và di tích duy nhất còn sót lại của chùa là một tượng Phật cao 1.96 thước, được trưng bày trong viện Bảo tàng quốc gia ở Sài gòn.

Từ 24 đến 28/2 năm 1861, quân Pháp tấn công đồn Kỳ hòa (Chí hòa) ; Trương Định trấn thủ Đồn Trung là đồn tiền tuyến phải đương đầu ngay với mũi giặc.

Đồn tuy vỡ, nhưng ông vẫn chỉ huy quân sĩ xáp lá cà tử chiến cuồng nhiệt giết được hai sĩ quan Pháp là Testard và Lareynière.

Vua Tự Đức ban khen ông và thăng lên chức lãnh binh.

Lãnh đạo nhân dân chống Pháp

Sau khi rời bỏ Chí hòa, Trương công gom góp tàn binh, mở huyết lộ lui về Gò công.

Ông hiệp cùng các danh sĩ Phan Văn Đạt, Nguyễn Thông, Hồ Huân Nghiệp, Đốc binh Là, tổ chức cuộc kháng chiến lâu dài, dựa vào lực lượng nhân dân.

Ông có đến yêu cầu Nguyễn Đình Chiểu gia nhập Bộ Tham mưu của mình.

Cu đồ cáo tù vì tàn tật.

Tuy thế mà mỗi khi có việc chưa thông, Trương công cũng cầu mưu hỏi ý nơi Cụ.

Một người cố hữu của Trương là Bá hộ Huy đầu Pháp được bổ nhậm làm cai tổng ở tại Đồng sơn, gần thành phố Gò công là nơi có tàu chiến Pháp bảo hộ.

Chẳng những thế mà Huy lại còn toan nạp đầu Trương cho Pháp để dâng công. Huy sai một tên gia tướng đem bức mật thư cho quân đội Pháp chỉ chỗ cư ngụ của Trương công cho Pháp đến bắt.

Thiên bất dung gian, người tâm phúc kia lại trao cái thơ ác nghiệt cho Trương Công Định.

Trương liền đến bắt tổng Huy mổ bụng mà tế cờ.

Cũng tại Gò công, một viên xã trưởng, mặc dầu đã được cảnh cáo, vẫn tiếp tục phục vụ người Pháp nên cũng bị giết luôn.

Trong công cuộc kháng chiến này, Trương công được nhiều người ngoại thích của vua Tự Đức cùng những quan Nam Triều có gia quyến ở chung quanh Gò công hộ trợ.

Trái lại, một số người khác trong đó có con cháu hoặc thân gia của phe đảng Lê Văn Khôi, là người chống vua Minh Mạng năm 1833, cố thù các quan Triều và Chánh phủ Việt Nam nên quy thuận người Pháp và giúp Pháp tiêu trừ ứng nghĩa binh.

⁵ Theo tài liệu của Thái Văn Kiểm : « Đất Việt trời Nam » trang 33 và 472 (« Nguồn Sống » xuất bản)

Quân giặc gieo áp lực nặng vào Cần giuộc, Trương kéo binh sang trợ lực với Đốc binh Là, và từ ngày 14 tới 30 tháng chạp năm 1861, các đồn và tỉnh lỵ bị nghĩa binh tập kích dữ dội : Tân an, Gò công, Cần giuộc bị tấn công ngày 14, Cái bè bữa 20 và 25 tháng 12, Rạch gằm ngày 29, Rạch Cà hôn ngày 30.

Tượng trưng của Gò công

Thuở ấy, một số đồng bào đất Gò công có gởi cho Reveillière (?) tướng Pháp đương thiết lập hành chánh tại đây vào năm 1862, một bức thư nói rõ được một phần nào tinh thần bất khuất và óc sáng suốt của nhân dân Đồng Nai :

« ... Nếu quý ông muốn hòa bình, hãy trả đất đai lại, chúng tôi có phải chiến đấu cũng vì mục đích ấy ... Các ông đừng gây chiến nữa, hãy đem quân đội về xứ đi. Chúng tôi sẽ mang ơn ... Nhưng trái lại, nếu các ông không chịu, chúng tôi sẽ chiến đấu mãi để thuận lòng trời ...

« ... Nếu chúng tôi thật cũng gớm khả năng của các ông, nhưng chúng tôi còn sợ trời hơn sức mạnh của các ông. Chúng tôi thề sẽ chiến đấu vô cùng tận.

Ngày nào chúng tôi không còn gì nữa, chúng tôi sẽ bẻ nhánh lá làm cờ, dùng gậy gộc võ trang binh sĩ. Đến lúc đó, liệu các ông có ở chung với chúng tôi được chăng ? » (theo Georges Garros).

Sống trong khối nhân dân danh dùng này, Trương Công Định là một phần tử trội nhứt, phải đứng lên nhận sứ mạng hiệu triệu đồng bào mà lãnh đạo kháng chiến đến kỳ cùng.

Dân chúng chưa quen bị áp bức, ai cũng mang uất hận về dưới bóng cờ rất đông và tôn Trương công làm « Bình Tây Đại Nguyên Soái ».

Vua Tự Đức hay ông có uy tín và thực lực nên cũng bí mật ban ấn chiếu thực thụ chức « Bình Tây Đại Nguyên Soái » cho ông.

Tổ chức kháng chiến

Thi hành phương pháp chánh trị của mình là tập trung lực lượng và phó thác trách nhiệm cai trị trong xứ cho người Việt, ngày 1 tháng 3 năm 1862, Thủy sư đô đốc Bonard ra lệnh triệt binh khỏi đồn Gò công, và rút viên võ quan Cai trị phủ Tân hòa đi.

Trương công đưa các đạo dân quân kháng chiến chiếm lấy Gò công, triệt hạ nhà cửa mấy người thân Pháp và lập một cái đồn ngoài có đào hào đắp lũy kiên cố.

Từ ấy, mấy thủ lãnh đạo binh ứng nghĩa tự do đi lại trong tỉnh, tổ chức quân đội, đóng đồn lũy và thu thuế vụ.

Trương công trí súng đại bác trên các sông rạch thông từ sông cái vô tới trong và tập kích luôn những tàu chiến Pháp lai vãng trên sông.

Quân đội Pháp phản công

Sau khi ký *Hiệp ước 5/6/1862*, Pháp yêu cầu Cụ Phan Thanh Giản khuyên Trương giải giới, nhưng Trương nhất quyết chiến đấu vì Nước, vì Dân.

Và phong trào chống Pháp lại ồ ạt gia tăng để phản kháng hiệp ước cắt nhường ba Tỉnh miền Đông.

Không thể để tỉnh Gò công mãi dưới quyền Việt quân, Bonard quyếtt thanh toán cho xong với Trương Công Định là vị anh hùng làm cho Bonard ăn không ngon, nằm không ngủ. Song biết lực lượng mình không đủ, nên tháng 10 năm 1862, Bonard xin Pháp quốc gởi hai đại đội thủy quân qua tiếp viện.

Tháng 2 năm 1863.

Với lực lượng hùng hậu, sau khi chiếm Biên hòa và kiểm soát con đường đi Bến lức rồi, quân Pháp định đánh lấy Gò công.

Ngày 7 tháng 2, Bonard gởi tới hậu thơ cho các thủ lãnh nghĩa binh bảo phải đầu hàng, qua ngày 11, lại treo giá thủ cấp mấy vị ấy.

Nơi vào Rạch Lá, trong sông Vàm cỏ, chiếc tàu vận tải « l'Européen » dùng làm bệnh xá, tiếp tế lương thực và chở than.

Gần chiếc « Alarme » đậu trong rạch Gò công, quân đội Pháp lập một pháo đài trên bờ sông để kiểm soát giòng sông ấy.

Tại Đồng sơn, miền tây bắc Gò công, dưới sự chỉ huy của Thiếu tá Piétri, đạo quân Phi châu tấn công mặt tiền và mặt trái pháo đài Việt quân.

Phía đông, chiếc hải phòng hạm Y Pha Nho là chiếc Circé chiếm vàm rạch Cần lộc thông ra sông Soi rập. Mặt tây và mặt nam, để tấn công nghĩa quân, Pháp điều động toán lính đồn Chợ gạo và mấy toán nghĩa quân Mỹ tho do Vergnes ở Rạch lá và Gougéard ở Vĩnh lợi chỉ huy, hai sĩ quan này đều dưới quyền điều khiển của Thiếu tá d'Ariès.

Sĩ quan Guys, điều khiển chiếc Alarme, ngược giòng sông Gò công mà lên để yểm trợ toán bộ binh do Thiếu tướng Chaumont và Đại tá Palanca chỉ huy.

Quân đội Pháp cũng chuẩn bị hấn hời để vượt qua bùng bầu và sông rạch : ba mươi chiến thuyền mũi bọc sắt mỗi chiếc chở sáu tên thủy quân lục chiến đồng thời tiến hành với mấy đạo bộ binh.

Hậu tuyến có chiếc Forbin bỏ vây sông Vàm cỏ, nơi vàm Rạch lá, chiếc l'Avalanche, chiếc Dragonne, chiếc pháo thuyền 20, chiếc Saint Joseph và 15 chiến thuyền bủa lưới mặt tây.

Ngày 25 tháng 2, năm 1863, tám giờ tối, trên chiếc Ondine, Bonard, sau khi quan sát ai đã ở nhiệm sở này, ra lệnh mai sáng tấn công.

Rạng này, các toán bộ binh và thủy binh nhứt tề cử động.
Một trận ác chiến diễn ra.

Trương công kháng cự mãnh liệt, song quả bất địch chúng, lại thiếu đạn dược nên phải rút lui, sau khi gây cho quân đội Pháp thiệt hại nặng nề.

Vượt qua bùng bầu dưới ngọn nắng như đốt như thiêu, quân đội Pháp mang binh rất nhiều.

Sớm mai ngày 26, Thiếu tướng Chaumont cầm binh thẳng xuống miền Nam, đánh chiếm đồn chốt của Việt quân tại Trại Cá.

Khắc phục Gò công xong, Pháp có ra mấy điều luật gắt gao sau đây :

- a) Lên án tử hình các thủ lĩnh nghĩa quân và tịch thu gia sản.
- b) Thâu trọn thuế đã thiếu về năm 1862
- c) Buộc nạp các thứ vũ khí
- d) Buộc nhân dân làm công sưu đắp đường và phá đồn lũy của nghĩa quân
- e) Bắt người Hoa kiều ở Gò công phải đóng góp một phần tổn phí chiến tranh.

Anh hùng mặt lộ

Việt quân bị thiệt hại không quan trọng vì rút lui kịp thời và họp lại từ chòm nơi biên giới Biên hòa, còn phần khác thì ẩn khuất trong mây hòn đảo hiểm yếu và vô phương đột nhập, nơi cửa sông Soi rập.

Trương công rút về làng Lý nhơn, nơi gọi là « Đám lá tối trời », giữa đám nẻ địa đầy rừng vẹt nước, mùa nước lớn chỉ lộ khỏi mặt nước một ít thôi.

Nơi đây, Trương củng cố lực lượng, vẫn giao thiệp với tỉnh Bình thuận và tiếp mạng lệnh Triều đình Huế luôn.

Lúc bấy giờ, một cuộc hành binh lớn lao, tổn của hao người như trận đánh Gò công không cần thiết nữa, nên Bonard chỉ để vài ba sĩ quan cương quyết trấn tại Gò công, phận sự là nã tróc cho được Trương công.

Ngày 22 tháng 9, 1863, Trương bị hai đại úy thủy quân là Gougéard và Béhic bao vây tại trại của người, gần bắt được.

Một tên lính mã tà đã gây thương tích cho vài nghĩa quân, bị Trương công chém chết rồi thoát thân.

Dường như từ đây, Trương công gặp phải bước không may, nhưng lấy chi thành bại mà luận anh hùng ! Trong lúc ấy, Triều đình Huế đòi ông về mà phong chức và thuyền chuyển qua An giang.

Nghĩa binh níu kéo người, khóc lóc, rằng « sống có nhau mà chết cũng có nhau ».
Trương đến hỏi ý kiến Cụ Nguyễn Đình Chiểu.

Cụ bảo rằng :

« Cứ như tình thế của chú, thôi thì hay mà tấn lại càng hay ! »

Trương công đã quyết ...

Ông có một thù nhân bất cọng đái thiên, là Huỳnh Công Tấn.

Tấn là ai ?

Tấn sinh tại làng Phước hậu, tỉnh Chợ lớn, thân phụ Tấn có làm phó quản cơ tại Sài gòn. Sau khi Chí hòa thất thủ, ông ấy xuống phủ Tân an mà ở, buôn bán qua ngày.

Ban sơ, Tấn theo Trương công xuống Gò công chống Pháp, song bởi thân phụ Tấn giao hảo với một viên quan người Nam phụng sự cho Pháp, nên Trương công hăm chém đầu Tấn.

Tấn sợ, bỏ trốn sang đầu Pháp năm 1862 và giúp việc đắc lực cho Pháp.

Năm 1864, nhiều làng ở Gò công bị nắng hạn, mạ chết. De la Grandière cho hương chức mượn một số tiền vài ngàn quan đăng mua mạ làm mùa, đến mùa gặt phải hoàn số nợ. Hương chức báo tin cho đội Tấn biết rằng Trương công mới về làng Kiểng phước, một tiểu thôn nằm trên hữu ngạn sông Soi rập.

Tấn dẫn một toán lính mã tà súng ống đầy đủ đến bao vây nhà Trương công đang trú ngụ với 25 người bộ hạ, trong đêm 19 rạng mặt 20 tháng 8, 1864, tức là ngày 18 tháng 7 năm giáp tí.

Trời vừa sáng, hai đảng xáp chiến với nhau bất kể sống chết.

Trương công với tùy tùng mở một huyết lộ mà ra, khi gần thoát khỏi thì đội Tấn ra lệnh bắn xả vào người ông. Một viên đạn trúng gây xương sống Trương công.⁶

Biết không sống được, ông rút gươm tự tử.

Vài nghìn binh bị bắt, 5 người tử trận.

Trời sâu đất thảm ngày mạt lộ của một đảng anh hùng để lại bao nhiêu thương tiếc trong lòng nhân dân và nghĩa sĩ Việt Nam.

Bài văn tế sau đây là 12 bài thơ của Cụ Đồ Chiểu điệu Trương công chính là tiếng khóc chung của người Gia định đối với vị anh hùng dân tộc đất Gò công.

Văn tế Trương Định

1) Hỡi ôi ! Giặc cỏ bò lan, Tướng quân mắc hại.

2) Ngọn khói Tây bang đóng đó, cõi biên còn trống đánh son lâm ;
Bóng sao Võ khúc về đâu, đêm thu vắng tiếng canh dinh trại.

3) Nhớ Tướng quân xưa :
Gặp thuở bình cư,
Làm người chí đại.

4) Từ thuở ở hàng viên sử, pháp binh trăm trận đã lâu,
Đến khi ra quân đồn điền, võ nghệ mấy ban cũng trái.

5) Lúc giặc đánh, tới theo quan Tổng đốc, trường thi, mô sủng, trọn mấy năm ra sức tranh tiến
Lúc cuộc tan, về ở huyện Tân hòa, đắp lũy, hàn sông, giữ một góc bầy lòng địch khải.

6) Chợt thấy cánh buồm lai sứ⁷, việc giảng hòa những tưởng rằng xong ;
Đã đành tấm giấy tự phong, phận thân tử há đâu dám cãi.

7) Bối lòng chúng chẳng nghe Thiên tử chiếu, đón ngăn mấy dặm mã tiên ;
Theo bụng dân phải chịu tướng quân phù, gánh vác một vai khổ ngoại.

⁶ « Nỗi lòng Đồ Chiểu » của Phan Văn Hùm, trang 25, chép : « Ngày 20/8/1864, Trương Định bị Huỳnh Công Tấn bắn gây xương sống chết tại Kiểng phước ».

⁷ Ngày 5/6/1862, sứ Phan Thanh Giản ký Hòa ước nhường ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ cho Pháp

8) Gồm ba Tỉnh dựng cờ phản nghĩa, sĩ phu lắm kẻ vui theo ;
Tóm muôn dân gây sỏ mộ binh, luật lệnh nào ai dám nhại ⁸.

9) Văn thì nhờ tham biện, thương biện, giúp các cơ bàn bạc nhung công ;
Võ thì dùng Tổng binh, Đốc binh, coi mấy đạo sửa sang khí giới.

10) Thương ôi !
Tiền vàng ơn chúa, trót đã rõ ràng,
Ấn bạc mưu binh, nào từng trẽ nải.

11) Chí lắm đốc cờ xuê lộ bố, chói sắc giữa trào ;
Ai muốn đem gương báu can tương, chôn hơi ngoài ải.

12) Há chẳng thấy : sức giặc lang sa, nhiều phương qui quái.

13) Giăng dưới nước tàu đồng, tàu sắt, súng nổ quá bấp rang.
Kéo trên bờ ma ní, mã tà, đạn bắn như mưa vải.

14) Dầu những đại đồn thuở trước, cũng khó toan đề trứng ngàn cân ;
Huống chi cô lũy ngày nay, đâu dám chắc treo màn một dải.

15) Nhưng vậy mà :
Vi Nước tâm thân đã mấy : còn mất cũng cam ;
Giúp đời cái nghĩa đáng làm : nên hư nào nài.

16) Rạch lá, Gò công mấy trận, người thấy đã kinh ;
Cửa khâu, Tại cá các nơi, ai nghe chẳng hãi.

17) Nào nhọc sức hộ tào biên sỏ, lương tiền nhà ruộng, cho một câu háo nghĩa lạc quyền ;
Nào nhọc quan võ khổ binh cân, thuốc đạn ghe buôn, quyền bốn chữ gian thương đạo tải.

18) Núi đất nửa năm ngăn giặc, nào thành đồng lũy sắt các nơi ;
Giáo tre ngàn dặm đánh Tây, là (?) ngựa giáp xa nhưng mấy cái.

19) Ôi !
Chí đốc đem về non nước cũ, ghe phen hoạn nạn, cây thương phá lỗ chưa lìa ;
Nào hay trở lại cảnh quê xưa ⁹... tấm bảng phong thần vội quải.

20) Chạnh lòng tướng sĩ, thương quan tướng, nhắc quan tướng, chiu chít như gà ;
Bực trí nhân dân, giận thẳng tà, mắng thẳng tà, om sòm như nhái.

21) Ôi !
Sự thế bởi bên Hồ bên Hán, bao giờ về một mối xa thơ ?
Phong cương còn nửa Tống nửa Liêu, đâu nỡ hại một tay tướng soái.

22) Nào phải kẻ táng sư đầu giặc, mà để nhục miếu đường ;
Nào phải người kiêu chiểu đánh Phiên, mà gây thù biên tái ?

⁸ Dế đuôi

⁹ Nguyên văn thiếu bốn chữ (đối với : ghe phen hoạn nạn)

23) Hoặc là chuộng một lời hòa nghị, vận Nam thiên phải bắt Nhạc Phi về ;
Hoặc là lo trăm họ hoành la, thời U địa chẳng cho Dương Nghiệp lại.

24) Vì ai khiến đưa chia khăn xé, nhìn giang san ba tỉnh luống thêm buồn ;
Biết thuở nào cò phát trống rung, hỡi nhứt nguyệt hai vàng sao chẳng đoái !

25) Còn chi nữa ! Cỗi cô thế riêng than người khóc tượng, nhắm mắt rồi may rủi một trường không !
Thôi đã đành ! Bóng tà dương gấm ghé kẻ day dòng, quày gót lại hơn thua trăm trận bãi.

26) Ôi !
Làm ra có ấy, tạo hóa ghét nhau chi ?
Nhắc đến đoạn nào, anh hùng rơi lụy mãi !

27) Cuộc trung nghĩa hai năm làm đại tướng, nhọc nhằn vì nước, nào hờn tiếng thị, tiếng phi ;
Côi An hà một chức chịu lãnh binh, lây lất theo thời, chưa chắc đâu thành, đâu bại.

28) Khóc là khóc : nước nhà cơn biến loạn, hôm mai vắng chúa, thua buồn nhiều nỗi khúc nôi ;
Than là than : bờ cõi lúc qua phần, ngày tháng trông vua, ngơ ngẩn một phường trẻ dại.

29) Tướng quân còn đó, các đạo tặc thấy kiêng dè ;
Tướng quân mất rồi, mấy chỗ nghĩa binh thêm bãi xái.

30) Nào đã đặt mấy hồi nơi thích lý, màng hùm che mặt rằng xuê ;
Thà chẳng may một giấc chốn trường sa, da ngựa bọc thây mới phải.

31) Ôi !
Trời Bến nghe mây mưa sùi sụt, thương đấng anh hùng gặp lúc gian truân ;
Đất Gò công cây cỏ ủ ê, cảm niên thần tử hết lòng trung ái.

32) Xưa còn làm tướng, độc rạng giời hai chữ Bình Tây ;
Nay thác về thần, xin dâng hộ một câu phục thái.

Kháng chiến rã tan

Sau khi Trương công thác rồi, kháng chiến tại Gò công tan rã. Đốc binh Là, vị phó tướng oanh liệt của Trương, cũng hàng thú với Pháp quân ngày 21/9/1866.

Ngôi mộ của Trương công hiện nay ở tại chợ Hòa lạc thanh, tổng Long thuận, tỉnh Gò công.

Đền thờ ông cũng tại nơi đó.
Một làm bằng đá ong và tô hồ ô được tới nay trên một trăm năm, vẫn còn kiên cố.

Trên mộ bia làm bằng đá trắng Quảng nam, khắc nguyên chức tước của Trương công thọ phong :
Đại Nam Bình Tây Đại Tướng quân, Trương Công Định chi mộ.

Nơi hai cột trụ trước mộ bia, một đôi liễn kỷ niệm lòng trung nghĩa của ngài :
Sơn hà thâu chánh khí
Nhứt nguyệt chiếu đơn tâm

Nghĩa là :
Chánh khí của ngài về với núi sông mãi mãi ;
Lòng son của ngài, hai vầng nhật nguyệt soi sáng bất diệt ¹⁰.

Đồ Nam

Sách Trang tử có lời ngụ ngôn rằng : « Con cá còn hóa ra con chim bàng, mỗi lần cất cánh có thể bay luôn chín trăm ngàn dặm, bắt đầu từ biển bắc qua tới biển nam ».

Ngụ ngôn « Đồ Nam » (mưu toan qua biển nam) ám chỉ chí vọng xa lớn của người trai anh dũng lúc nào cũng rắp tâm mưu toan những việc phi thường (B.K. số 64 – 1/9/1959).

¹⁰ « Gò công xưa và nay » của Huỳnh Minh, trang 40.

Nguyễn Trung Trực¹¹ (1837 – 1868)

Nguyễn Trung Trực sinh năm 1837 tại Bình định (Trung phần) trong một gia đình chài lưới miền duyên hải, con của Cụ Nguyễn Trung Thăng.

Có kẻ nói ông tên là Lịch, người tỉnh Tân an, nhưng dựa nhiều chi tiết thấu đáo được thì ta có thể xác nhận giả thuyết ở trên, vì bà cụ thân sinh ông nói tiếng hơi cứng cứng, ông là người võ thuật cao cường mà thời bấy giờ chỉ có người Bình định mới lâu thông vô nghệ.

Ca dao có câu :

*Ai vô Bình định mà coi,
Đà bà cũng biết đi roi đánh quờn*

Cũng như nhiều gia đình ngư nghiệp khác, gia quyến ông di cư vào Nam vì không chịu nổi những sự bắn phá thị oai của tàu chiến Pháp lúc ấy hay biểu dương lực lượng dọc theo bờ biển Trung Phần để áp đảo tinh thần quần chúng.

Nhóm người lữ thứ miền Trung tản cư và trốn tránh ở phương Nam, phải hòa mình vào kiếp sống truân chuyên của dân miền Nam.

Thế rồi, chiếc ghe chài của gia đình ông Trực cũng không đậu yên được ở một nơi nào, phải nhổ neo linh đình trên các giòng sông rạch từ Vũng tàu đến Kiểng phước (Gò công).

Trong số người di cư ấy, có ông quản cơ Lê Đình Vận, bắt măn Triều đình nên cũng vắt áo mảo để vào Nam, mang theo tắc lòng yêu nước.

Người lấy danh nghĩa quản cơ, tập hợp dưới tay một số người miền Trung tị nạn, ước độ 200 và giao quyền điều khiển cho ông Trực.

Từ ngày được sự phó thác của ông Vận, ông Trực ngày đêm ra sức tháo luyện nhóm nghĩa binh, quyết giữ vững đất đai Vàm Láng, để bảo vệ xóm thuyền chài.

Nhờ tướng mạo phương phi, nói năng lễ độ, cho nên dầu là dân khác miền, Nguyễn Trung Trực được người Nam cảm mến.

Toán quân chài đi đến đâu cũng được dân chúng ủng hộ nhiệt liệt và xin nhập ngũ càng ngày càng thêm đông đảo.

Cụ ông Nguyễn Trung Thăng và Cụ bà cùng đi sát cánh với Nguyễn Trung Trực, gánh vác lương khô. Có cha mẹ bên cạnh mình, vị tướng lãnh trẻ tuổi an lòng lo việc nước.

Chiến công tại bờ sông Bảo định

Vào đầu tháng tư năm 1861, quân đội Pháp quyết định tiến đánh Định tường, do Thủy sư đô đốc Charner chỉ huy bằng cách dùng tàu chiến chạy dọc theo các giòng sông lớn từ Tân an qua Định tường.

¹¹ Một phần tài liệu của ông Huỳnh Văn Yên (Kiên giang)

Được tin ấy, nghĩa quân của Nguyễn Trung Trực, sa số là dân chài lưới, bơi lội tài tình, ngày đêm sóc nọc hàn sông, mục đích ngăn cản bước tiến quân của địch.

Nhờ vậy mà suốt một tuần, tàu Pháp mới đến được Rạch Chanh, chịu nhiều nhọc nhằn vất vả mới phá vỡ các chướng ngại vật.

Rạng ngày 10/4/1861, địch quân đổ bộ lên bờ sông Bảo định (sau người Pháp gọi là Arroyo de la Poste).

Họ toan tiến đánh Trung lương thì một ác chiến xảy ra liền đó.

Chính Nguyễn Trung Trực đứng đầu trong cuộc tiêu diệt địch quân, hơn 30 binh sĩ Pháp và tướng chỉ huy là đại úy thủy quân Bourdais bị trúng đạn chết ngay tại nơi đổ bộ.

Vì có nhiều tàu chiến bắn già quá nên trận xung phong chưa đoạt được mục đích cuối cùng, chớ theo dự định của Trực thì ít ra phải nhận chìm cho kỳ được một vài chiếc tàu mới vừa ý.

Nghĩa quân Nguyễn Trung Trực đầu tay lập được chiến công lừng lẫy, tiếng đồn bay khắp đó đây.

Dụng hỏa công tại Nhựt tảo

Mặc dầu Mỹ tho đã bị chiếm ngày 12/4/1861, song còn phải tảo thanh, vì nghĩa quân đang tổ chức một cuộc kháng chiến rộng lớn.

Bình định Nam Kỳ không xong, ngày 30/11/1861, Charner bị triệu hồi về Pháp và đô đốc Bonard thay thế.

Tháp chạ dương lịch, Bonard sai trung tá Parfait cầm một đội chiến thuyền trong đó có chiếc « l'Espérance » ngược xuôi trên sông Vàm cỏ tuần tiễu.

Nhờ điều tra dân chúng, ông Trực biết rằng tàu l'Espérance chỉ hoạt động ban ngày và thường bữa về cập bến Nhựt tảo, tỉnh Tân an, ban đêm, thủy thủ say sưa ăn uống, thỉnh thoảng bắn một vài phát súng thị oai.

Rạng ngày 10 tháng 12, ông Trực đích thân điều động bộ phận thiện chiến đến Thủ thừa, xuống 5 chiếc ghe mũi ông, thừa lúc nước ròng, thả trôi theo nước, xuống vàm Nhựt tảo.

Theo dự định của Trực, thì chờ đến tối cho binh sĩ lội đến sát bên tàu, phóng hỏa đốt. Nhưng thuyền trôi mạnh theo giòng nước, các người lái thuyền lại không rành địa thế nên bỗng trở qua doi đã thấy lộ liễu chiếc l'Espérance, bây giờ muôn quay thuyền lại cũng không kịp nữa.

Ông Nguyễn ra lệnh cho mọi người bình tĩnh, núp hết dưới lòng nghe và rút kiếm cầm tay.

Ghe trôi qua, cách cầu tàu độ vài chục thước.

Trời đã xé nhưng lính tráng vẫn còn ngây ngủ, chỉ có một lính Pháp đứng gác trên mũi, kêu đàn ghe lại xét hỏi.

Ghe cặp sát be tàu, tên lính gác vừa tuột xuống boong tàu, để bước sang ghe thì ... đầu anh đã rơi khỏi cổ. Thế mà binh Pháp chưa ai hay, cứ đề gần 50 nghĩa quân dũng cảm nhảy qua tàu, kẻ huơ kiếm chém đầu, người đốt con cúi rơm thả vào hầm máy, thùng xăng.

Lửa hồng bốc ngọn ngất trời, tiếng la hống thối của Pháp quân hòa lẫn với tiếng hét thắng trận của quân ta.

Bỗng tàu nổ lên mấy tiếng hải hùng rồi chìm lĩm.

Từ trên vàm sông, dân chúng vác đao mác xông ra hưởng ứng, lùng bắt những lính Pháp sống sót nhảy trốn dưới sông.

Theo một tài liệu khác mà chúng tôi thu thập được thì, tháng chạp dương lịch 1861, hải quân đại úy Parfait chỉ huy một chiến thuyền tảo thanh trên sông Vàm cỏ, để một chiếc tàu, chiếc l'Espérance, đậu tại làng Nhựt tảo, nay là An nhựt tân, nơi vàm Rạch Nhựt tảo đổ ra sông Vàm cỏ đông, tức sông Bến lức, lối nửa đường từ Bến lức xuống ngã ba Soi rập.

Ngày 10 tháng 12, vào khoảng giữa trưa, lính Pháp và lính da đen dưới tàu nằm ngủ chềnh chổng, để một thơ ký người Nam phê giấy thông hành.

Nguyễn Trung Trực cùng ba bốn mươi nghĩa binh đi hai chiếc ghe giả làm đám cưới đến xin phê giấy.

Viên thơ ký vừa chồm ra cửa hông tàu đã bị Trực một mũi thương chết tốt. Rồi thì nghĩa quân nhảy bổ lên tàu, lớp dùng binh khí hạ sát quan quân Pháp và lính da đen, lớp chát rơm chát củi đốt tàu.

Bất thành lính, quân Pháp chống cự không nổi nên 17 thủy binh hoặc bị chết thiêu, hoặc bị guom đao sát hại.

Lửa cháy rực trời, tàu nổ vang tai.

Năm thủy quân, hai người Pháp và ba lính da đen nhảy xuống một chiếc tam bản, nỗ lực chèo như giông, trốn thoát, tìm được Parfait.

Trong lúc ấy, đồn thân binh hai mươi người trấn thủ trên bờ sông, ngnag chiếc l'Espérance, bị Việt quân giết sạch.

Nội ngày đó, Parfait đem binh tiếp viện, đến chỗ chiếc tàu bị đốt, gặp ba tên lính da đen đã bị nghĩa quân bắt đặt song lại thừa lúc tàu nổ mà trốn thoát, chui xuống một cái bầu, đứng dưới nước ngấp tới miệng chờ Pháp quân tới cứu.

Việt quân rút lui tự bao giờ, chỉ có dân làng Nhựt tảo bị vạ lây, cả làng bị Pháp quân đốt sạch !

Giúp Trương Định ở Gò công

Trong một cuộc tập trung quân lực để bao vây và tấn công thành Thuộc nhiều, Pháp rút bớt quân số ở các đồn lân cận.

Thừa cơ hội này, Nguyễn Trung Trực ra lệnh phân tán nghĩa quân ra làm nhiều bộ đội, hợp sức với toán tự vệ địa phương để cướp đồn ở những nơi mà ông đã bố trí trước.

Lúc này, 1862, ông đã hiệp tác cùng Lãnh binh Trương Định.

Ngày 22/1/1862, một tốp nghĩa quân ở Gò công tới đốt xóm nhà đông tại Rạch Cà hôn.

Qua ngày sau, quân ta đến đánh đồn Rạch gằm hai lần.

Bữa 28, nghĩa binh đánh bốn đồn một lượt là Cái bè, Cai lậy, Thuộc nhiều với Rạch gằm.

Ngày 17 tháng 2, nghĩa binh lập căn cứ tại Chợ cũ Mỹ tho. Binh Pháp các đồn nhỏ đều rút lui.

Ngày 24 tháng 2 năm 1862, Pháp quân trong đồn Gia thành rút đi, nghĩa binh đuổi đánh, dùng súng lớn bắn theo.

Ngày 26, binh ta đánh đồn Rạch Cà hôn, ngày 28 tháng 2, ngày mồng 2 và mồng 6 tháng 3, tập kích đồn Chợ cũ, Mỹ tho.

Mồng 1 tháng 3, đánh Rạch gằm. Nội ngày đó, mấy đồn Gò công và Chợ gạo đều rút quân đi và các viên tham biện Pháp tại Cần giuộc, Tân an và Tân hòa đều được triệu về Sài gòn.

Ngày 17 tháng chạp 1862, Nguyễn Trung Trực điều động 600 nghĩa binh thành lập tập kích cơ thủy quân lục chiến ở giữ Rạch tra ; cũng ngày ấy, 2 chiếc tàu đậu tại Bến lức bị bắn phá.

Ngày 18/12, đồn Thuộc nhiều, có 50 Pháp quân trấn thủ, bị quân ta tấn công dữ dội.

Tiến đánh Kiên giang thành

Sau khi ba tỉnh miền Đông thất thủ, Trực chuyển hướng về miền Tây.

Và năm 1867, ba tỉnh miền Tây cũng sa luôn vào tay quân Pháp.

Trước hết, ông Trực dựa vào địa thế núi non ở An giang, sau tiến lần đến vùng Hà tiên, Kiên giang, hòn Phú quốc để gây thế lực của mình và đồng thời cũng tìm chỗ sơ hở của Pháp để tấn công.

Tại Kiên giang, ông cư ngụ nơi nhà một văn hào và sau khi bàn bạc năm ngày đêm, chỉ có năm đồng chí theo ông thôi !

Đêm thứ năm, có hai chị em bà Điền, bà Đỗ là hai người có học thức và có chí khí, nghe danh nhà chí sĩ Nguyễn Trung Trực, hai chị em đến thăm.

Ông Nguyễn chỉ chào hỏi theo phép xã giao vậy thôi, hai bà lấy làm ngạc nhiên, nhứt là trong khi bàn bạc, bốn đồng chí kia tỏ ra e dè lắm.

Hai bà giận dữ quày quả ra về, ông Nguyễn cho người theo mời trở lại.

Bảy nhà ái quốc tương lượng trong một bầu không khí thân mật.

Việc tổ chức đánh úp Rạch giá, hai bà lãnh phận sự thuyết dụ sao cho cả cơ lính của người Việt theo Pháp trở về với chánh nghĩa. Sự tốn kém trong việc này và nhiều việc khác, hai bà đều gánh chịu cả.

Cuộc tổ chức đầu tiên phải xa chợ, nên ông Nguyễn chọn xứ Tà niên (cách Rạch giá chừng 10 cây số) làm chỗ hội họp các đồng chí.

Từ đó, ông hoạt động ráo riết, nhiều hai trá hình ra tận chợ Rạch giá dò thám.

Công việc xong xuôi, đã tới ngày phát động.

Nội công thì nhờ ông quản Có (vì thế, sau khi Pháp hạ được Nguyễn Trung Trực, không cho người Việt ở Rạch giá làm đến chức quản trong vòng 50 năm).

Đêm 16 tháng 6, năm 1868, giữa lúc trời trong trăng tỏ, bỗng có đám mây đen kéo đến mỗi phút càng dày.

Ông Nguyễn nhìn trời day qua mỉm cười nói với các vị tướng lãnh : « Trời giúp ta thành công đêm nay đó ! »

Chính đêm nay, Trục bố trí đoạt thành Kiên giang. Khi đoàn nghĩa quân đến kề đồn Pháp, phục kích đầu đó an rồi thì một trận mưa giông vùn vụt đổ.

Cũng như mọi đêm vào giờ, đồn Kiên giang lặng im phẳng phắc. Tiếng gió mưa rào rạt mát mẻ càng làm cho quân Pháp ngủ say thêm. Tên lính gác trồn lạnh trong chòi canh, dựng súng bên vách, móc thuốc ra hút, toan bật lửa thì một bóng đen nhanh như cắt, từ ngoài nhảy vào, cắm phập mũi dao vào ngực hắn. Hắn chưa kịp kêu thì một ngọn mã tấu tiếp theo, đầu hắn rơi khỏi cổ.

Trong đồn, tiếng ngáy ngủ vẫn đều đều.

Một tiếng hét ra lệnh, những bóng đen từ ba góc đồn nhô lên, độn nhập vào đồn. Tiếng reo hò, tiếng kêu la nổi dậy. Đoàn nghĩa quân xông vào các kho trại, kho súng đạn, kho lương thực như vào chỗ không người.

Kết quả trận đánh :

- Bên địch chết 5 sĩ quan, trong đó có trung úy Suterne cai quản đồn, 67 lính Tây và Việt gian, 6 người bị bắt sống.

- Bên nghĩa binh chỉ tổn thất có ba người mà chiếm được thành Kiên giang, đoạt trên 100 khẩu súng và vô số đạn dược.

Có 3 lính Pháp chạy lạc, một người tên François chạy trốn ở trong một cái đầm (cách nhà thờ tạm đi chùa Thập phương, về phía tả có một cái đầm). Sáng ra mấy chị đi cầu trông thấy lấy cây đập anh ta vỡ óc. Sau, đầm đó có tên là « Bàu Lang sa » (Français).

Còn hai người nữa chạy tới Rạch Giồng (nghĩa là Rạch có đất giồng vì trước có nhiều giồng cát nổi lên chạy dài nối tiếp với giồng cát ở Rạch giá, cách Rạch giá chừng ba cây số), tới Cầu Xanh (cầu Rạch Giồng đi Tân điền) bị người ở vùng đó bắt giết đi.

Sáng hôm ấy, không còn một người Pháp nào ở đất Kiên giang.

Trong trận hạ thành Kiên giang, ông Lâm Quang Ky là tướng phụ tá có công nhiều nhất.

Ngoài ra, nghĩa quân Nguyễn Trung Trục còn tấn công bất ngờ vào tàu Pauconneau tại Vàm Răng, đón đánh quân tiếp viện tại Núi Trâu gây tổn thất nặng nề cho đoàn viễn chinh xâm lăng.

Nạp mình cứu mẹ

Muốn bắt Nguyễn Trung Trục, tướng Pháp treo giải thưởng như vậy :

- Ai có mưu mô chỉ cho Pháp bắt được Nguyễn Trung Trục, thưởng 200 quan.
- Ai bắt sống và đem nạp, được thưởng 500 quan.

Bọn Việt gian biết yếu điểm của Nguyễn là chí hiếu với mẹ nên hiến kế với Pháp rằng nên dụ dẫm tin tức Cụ bà mà bắt. Bọn chúng đoán hễ bắt được Cụ bà thì ắt gọi được ông Trục ra hàng.

Khi nắm được tin đích xác, Pháp quân bèn mở cuộc tấn công đại quy mô vào hòn Phú quốc.

Vô phước cho mẫu thân ông Nguyễn, dầu bà cố cải dạng như những bà lão ở xóm chài, vẫn không qua mặt được bọn diêm chí.

Bắt được bà Pháp quân đối xử thật tử tế với bà và khuyên bà nên gọi ông Trục về hiệp tác.

Nghe tin mẹ bị bắt, ông Trục nôn nao tắc dạ, vội vã quay về Phú quốc khi Pháp quân còn đóng tại đây để nạp mình và yêu cầu Pháp trả tự do cho mẹ già.

Thấy người khăng khải hiếu trung, Pháp quân không nỡ giết và dụ ông qui thuận Chánh phủ Pháp ; lãnh phần chiêu dụ ông lại là Huỳnh Công Tấn, người đã phản Trương Công Định ở Gò công.

Người Pháp hứa rằng nếu ông Trục qui thuận thì họ sẽ cho ông lma chức « Phó Soái ».

Ông đáp :

- Tui bây kiếm cho tao cái chức gì giết Tây được thì tao làm, chứ « Phó Soái » thì tao không làm.

Pháp quân tức giận vì tánh trung can nghĩa khí, không chịu hợp tác của ông nên giam giữ cả con lẫn mẹ.

Về sau, lão mẫu già yếu và phần uất việc con, đã vì mình mà chôn vùi chí lớn, nên thổ huyết chết trong ngục đường.

Thù nước chưa trả xong, nay lại thêm thù nhà, người như ông Trục bao giờ nghe theo lời khuôn dụ.

Chánh khí về thần

Biết rằng không thể nào mua chuộc được ông, quân Pháp quyết định lên án tử hình Nguyễn Trung Trục và đem ra hành quyết vào ngày 2/10/1868 nhằm ngày 28 tháng 8 âm lịch.

Đao phủ thủ là người Miên tên Tura (dân chúng thường gọi là bòn Tura) chém mỗi cái đầu với giá một quan tiền Pháp.

Trước khi chém, bòn Tura bỏ gươm quì xuống đất vừa lạy vừa xin lỗi (chỗ chém ông Trục là miếng đất cất Sở bưu điện và công an bây giờ (?).

Ông nói :

- Mày có tội gì mà xin lỗi, mày thi hành theo pháp luật của Tây mà, nhưng nhớ chém tao một nhát thật tốt, không tao vận hòng mày à !

Rồi ông quát mắt nhìn mấy lính Pháp bồng súng đứng sắp hàng, khiến họ phát run.

Các bà lão thuật lại rằng tướng tinh ông Trục mạnh lắm, nên khi ngó ai là người đó phải khiếp vía hồn kinh vì vậy các bà có mang không dám đi xem.

Ngày ông Trục thọ hình là ngày đau thương, tang tóc chung cho dân chúng Kiên giang và các vùng lân cận.

Dưới bầu trời gió mưa ảm đạm, già trẻ bé lớn ai cũng ngậm ngùi rơi lụy trước cái chết của vị tướng lãnh trẻ trung, vẫn luôn luôn điềm tĩnh, giữ thái độ anh hùng.

Chém xong, người Pháp ráp đầu mình lại, liệm vào hòm, đem chôn cất tử tế.

Dân chúng thờ Nguyễn Trung Trục chung với đình Cá Ông, là « Nam hải đại tướng quân », và ông Phó cơ Nguyễn Văn Điều, tức Phó cơ Điều.

Cụ Nguyễn Đình Chiểu tế Nguyễn Trung Trực có hai câu đối hùng hồn như sau :

*Hỏa hồng Nhựt tảo oanh thiên địa,
Kiếm bạch Kiên giang khắp quỷ thần.*

Tạm dịch :

*Lửa thiêu Nhựt tảo rền trời đất,
Gươm sát Kiên giang khóc quỷ thần.*

Sự hiển linh của Nguyễn Trung Trực

Sau khi chôn ông Trực rồi, đêm nào ông cũng hiện binh gia kéo đi rần rộ, trống kua vang dậy, súng bắn inh ỏi, báo hại lính Pháp thức canh giữ sáng đêm.

Sáng ra, trên mã người bao nhiêu xiềng xích đều đứt tung cả, quân Pháp cho làm lại thì đêm nào cũng thế. Giận quá, viên tỉnh trưởng cho lính đến mã người mà thổi kèn nhưng khi về anh nào anh nấy đều hộc máu chết. Thét rồi, tỉnh trưởng cũng không dám làm gì nữa.

Từ đó về sau mới êm lặn.

Trong thời gian kháng chiến vừa qua (1945 – 1954) anh linh ông Trực che chở dân Tân điền khỏi bao nguy hiểm. Đình thờ người ở Rạch giá, dân chúng thường lui tới xin xăm rất linh.

Gần đây, ở Long xuyên có lập đình và vào Rạch giá xin tro nhang về thờ.

Trường trung học Rạch giá cũng đặt tên là « Trường Nguyễn Trung Trực » cho những mầm non có tấm lòng trung hiếu khí khái và anh dũng như người.

Năm 1946.

Sự ngẫu nhiên đưa đẩy chúng tôi ¹² xuống Trà vinh (Vĩnh bình) và may mắn được kết bạn cùng ông giáo sư V.H.T.

Dưới bóng trăng thanh, thưởng thức chung trà đĩa mứt, anh em chúng tôi đàm luận việc cổ kim, anh T. thuật rằng anh có quen biết một anh nông phu ở An giang rất hiền lành, dốt thì phải, đầu để tóc dài.

Đôi khi anh giáo T. cùng vài bằng hữu gặp anh nông phu ấy rồi cùng nhau thiết lễ trà quả hương đăng cầu vái hồn ông Nguyễn Trung Trực về.

Chẳng bao lâu, anh nông phu xô đầu, bỏ tóc ra trước ngực mỗi bên một nửa, đôi nhãn tuyến của anh rạng ngời như điện chớp, thỉnh thoảng anh vuốt tóc như Đức Quan Đế vuốt râu.

Thính giả hỏi ông, (vì lúc ấy dường như diễm linh quang (hồn) của ông Nguyễn Trung Trực đã nhập vào người anh nông phu), về những chuyện xưa như lúc đốt tàu l'Espérance, tấn công đồn Rạch giá, lúc ông làm tay người Pháp mà nạt mình.

Ông mỉm cười, tay vuốt tóc, miệng thuật những chuyện ấy bằng văn vắn, thao thao bất tuyệt, giọng rang rang như chuông ngân.

¹² Lời soạn giả

Thính giả vừa kính yêu, vừa sợ sệt, dường nghe đặng tiếng nói thiêng liêng của Tổ quốc, hùng dũng bốn ngàn năm.

« *Ly bất tuất vĩ* »

Tả truyện có câu : « Ly bất tuất kỳ vĩ, nhi ưu Tân Chu chi viễn, vi tương cập yên ».

Câu ấy có nghĩa : người đàn bà góa quên lo việc dệt vải mà chỉ lo nhà Tân Chu suy, tai vạ đến mình/

Do đấy, câu : « *Ly bất tuất vĩ* » chỉ đức tính của người quên mình mà lo việc nước.

B.K. số 78 – 1/4/1960

Qua cửa không vào

Vua Hạ Vũ coi việc cứu dân làm trọng, thường khi ba lần đi qua cửa nhà mình mà không bước vào thăm.

Người đời thường khen lòng vì nước quên nhà của ông và tặng ông câu : « Quá môn bất nhập » (qua cửa mà không vào).

Về sau, người ta vẫn còn dùng câu ấy để gọi những kẻ nặng lòng vì Nước vì Dân.

B.K. số 85 – 15/7/1960

Thủ Khoa Nguyễn Hữu Huân (1841 – 1875)

Trong các vị anh hùng khởi nghĩa, xin kể ông Nguyễn Hữu Huân vào hàng sĩ phu số 1 ở thời ấy.

Ông sinh năm 1841 tại tỉnh Định Tường ; năm chưa đầy 20 tuổi, ông thi đỗ Thủ khoa đời vua Tự Đức.

Gặp buổi Nước Nhà nghiêng ngả, ông gác bỏ công danh để hưởng ứng phong trào khởi nghĩa và, năm 1861, đứng ra tổ chức nghĩa quân chia đi hoạt động khắp trong tỉnh Định Tường, đến tận các miền Kiên Giang, Hà Tiên, Châu Đốc.

Ông quen được nhiều tiền và giao thiệp với các tàu buôn Hải Nam để mua khí giới ở Trung Hoa. Sau hết lương thực, ông xuống Hậu Giang chờ khí giới chở sang.

Thế cùng lực tận, ông phải giải tán bớt nghĩa binh và về ẩn náu ở Chợ gạo, Định Tường, để mưu một cuộc khởi nghĩa khác.

Năm 1863, bị quân đội Pháp bao vây, ông chạy thoát đến Châu Đốc, nhưng bị bắt giữ lại rồi giao cho Pháp. Viên tư lệnh Pháp dụ dỗ ông đầu hàng, nhưng ông nhứt quyết không chịu.

Rốt cuộc ông bị đày đi Côn Đảo rồi đưa sang đảo Réunion ở đông nam Phi châu.

Khi sắp đi đày, ông có làm một bài thơ để tỏ nỗi cảm khái của mình :

*Muôn việc cho hay số bởi Trời,
Chiếc thân hồ hải biết đâu nơi !
Mấy hồi tên đạn ra tay thử,
Ngàn dặm non sông dạo gót chơi.
Chén rượu Tần đình nào luận tiệc,
Vân thơ có quốc chẳng ra lời ;
Cương thường bởi biết mang nên nặng,
Hễ đứng làm trai chắc nợ đời*

Năm 1874, sau khi Nam Triều đã ký Hòa ước nhường đứt sáu Tỉnh miền Nam cho Pháp, Thủ khoa Huân được chúng cho về, nhưng để quản thúc tại nhà Tổng đốc Đỗ Hữu Phương, tại Chợ lớn, là chỗ quen biết của ông, lại là một người giúp việc đắc lực cho Pháp.

Ông Phương tổ chức một bữa tiệc long trọng để mừng gặp lại bạn xưa, có mời các quan người Việt đã theo Chánh phủ tân trào đến dự.

Tiệc mãn, nhiều người xin ông Thủ khoa cho một bài thơ để kỷ niệm.

Ông tức cảnh làm bài bát cú như sau :

*Nghĩ then râu mày với nước non,
Nhìn nay từng cú, bạn xưa còn ;¹³
Miếu đường cách trở bề tôi chúa,
Gia thất riêng buồn nỗi vợ con.
Áo Hán nhiều phen thay vẻ lạ,
Rượu Hồ một mặt đắm mùi ngon¹⁴.
Giang đông nổi tiếng nhiều tay giỏi,
Cuốn đất kìa ai dám hỏi đon ?*

Nghe đọc xong, các vị quan có mặt trong tiệc tỏ vẻ cảm động nhưng âm thầm hổ thẹn, nhứt là hai câu luận :

*Áo Hán nhiều phen thay vẻ lạ,
Rượu Hồ một mặt đắm mùi ngon.*

nói lên cái vô sỉ của những kẻ mãi quốc cầu vinh, và hai câu kết hỏi ai là người chí sĩ hãy tranh đấu giành độc lập cho Nước Nhà !

Ở nhà Tổng đốc Phương ít lâu, ông được trả lại tự do, và sau đó vài tháng, ông lại ngấm ngấm tổ chức và võ trang nghĩa quân nổi lên chống Pháp.

Đến tháng 4 năm 1875, ông bị quân Pháp bao vây và bắt do bọn gián điệp chỉ đường.

Lần này, bộ Tư lệnh Pháp cũng dụ ông đầu hàng, song ông nhứt quyết nhanh lãnh cái chết cho tròn bổn phận tôi con nước Việt.

Ông bị điệu về hành hình tại chợ Phú Kiết tỉnh Định Tường.¹⁵

Theo một tài liệu khác¹⁶ thì « Trần Bá Lộc bắt được ông, có dụ dỗ ông đầu hàng. Ông đáp lại bằng những lời chưởi mắng, nên bị chở về Mỹ Tho. Lúc đi đường, người ta trói ông để trên mui ghe cho thiên hạ xem. Ông vẫn bình thản ngâm thơ như thường.

Tài liệu này hơi khó tin được, nhưng chúng tôi cũng chép ra đây để độc giả suy gẫm, vì lẽ :

- Thủ khoa Huân là người nho nhã, chăm biếm quan Việt phụng sự người Pháp một cách kín đáo và cay đắng mà thôi, chắc không đến nỗi thô lỗ như vậy.
- Và từ trước, quan Pháp đã tỏ vẻ kính nể ông, không lý dám cột ông trên mui thuyền cho mọi người xem, làm một việc quá ư thất sách, cho đồng bào ta đã oán hận càng thêm công phần.

¹³ Có chỗ chép : « hãy thơm còn ».

¹⁴ Có nơi chép : đắm mùi ngon.

¹⁵ Tài liệu của giáo sư Nguyễn Văn Kiết.

¹⁶ « Lịch sử giải phóng Việt Nam » (Hùng Ngôn và Bùi Đức Tịnh)

Trước khi lên đoạn đầu đài, ông xin cho vợ con tể sống và xin một tấm vải để viết một bài thơ tuyệt mạng như sau :

*Hạn mã gian quan vị quốc cứu,
Chỉ nhân binh bại chí thân hưu¹⁷ ;
Anh hùng mạc bả doanh du luận,
Vũ trụ trường khang tiết nghĩa lưu.
Vô bổ dĩ kinh Hồ lô phách,
Bất hàng cam đoạn tướng quân đầu.
Dương niên Tho thủy ba lưu huyết¹⁸
Long đảo thu phong khởi mộ sầu*

Cụ Phan Bội Châu dịch :

*Ruổi dong vó ngựa trả thù chung,
Bình bại cho nên mạng phải cùng.
Tiết nghĩa vẫn lưu cùng vũ trụ,
Hơn thua sá kể với anh hùng !
Nổi xung măt vĩa quân Hồ lô,
Quyết thác không hàng rặng núi sông.
Tho thủy ngày rày pha máu đỏ,
Đảo Hồng hieu hắt ngọn thu phong.*

Viết xong, Thủ khoa Huân đọc vang lên rồi ngựa cỏ mà chịu chết.

Trong một bài nói về văn chương của Thủ khoa Huân ¹⁹, tác giả có chép rằng, trước khi bị hành hình, Thủ khoa có ứng khẩu ngâm bài thơ tuyệt mạng như vậy :

*Hai bên thiên hạ thấy hay không ?
Một gánh cương thường há phải gông ?
Oằn oại hai vai quân tử trúc,
Long lay một cổ trượng phu tông.
Sống về đất Bắc danh còn rặng,
Thác ở thành Nam tiếng bỏ không.
Thắng bại, dinh du, trời khiến chịu,
« Phản thân », đeo quả đũa cười ông !*

Hồng học chí

« Hồng học chí » là cái chí hành động của chim hồng, chim học, những giống chim bay rất cao.

« Hồng học chí » trích trong câu : « Yên tước an tri hồng học chí ! » có nghĩa là chim én, chim sẻ sao biết được cái chí của chim hồng, chim học. Nghĩa bóng của câu trên là : kẻ tiểu nhân sao biết được cái chí của bậc anh hùng.

B.K. số 77 – 15/3/1960

¹⁷ Có chỗ chép : Trí.

¹⁸ Có chỗ chép : lưu ba huyết.

¹⁹ « Tể câu văn của Cụ Thủ khoa Huân » (Nguyễn Văn Huyên – Bách khoa số 92 – 1/11/1960)

Thiên Hộ Dương

Đồng Tháp Mười

Trước khi thuật chuyện Thiên Hộ Dương, tức Nguyễn Duy Dương²⁰, cứ hiềm Đồng Tháp Mười kháng Pháp, làm cho Pháp quân rối trí điên đầu, điều đứng khổ sở nhiều năm, chúng tôi tưởng trước nên hướng dẫn độc giả « làm quen » với Đồng Tháp Mười.

Thuở xưa, Đồng Tháp Mười là một cái vịnh to, lần lần đất phù sa sông Cửu Long bồi đắp lâu ngày mới thành đất liền.

Tuy nhiên, mãi đến nay, trung tâm Đồng Tháp Mười vẫn còn là một lòng chảo, nước đọng quanh năm.

Tại đó, có vùng hoàn toàn là một bãi cát mịn màng cho nên người ta gọi là Láng Biển, ở tại làng Mỹ tho, Sa đéc.

Nơi đây, người ta còn gặp được nhiều di tích thuyền bè bị đắm như cột buồm, lò tời, mỏ neo...

Trước đây Đồng Tháp còn hoang vu, cho nên có những nơi như Bàu Sen, Láng bông súng, Lung năng, Đồng lác, Đồng dưng, Rừng tràm, cỏ cây mọc la liệt, không hàng ngũ chi, liên tiếp nhau chạy mút tằm con mắt, xa tận chơn trời.

Đó là nơi ẩn trú của vô số thú rừng, như hùm, beo, rắn, tượng... Có chỗ voi đi thành đìa lầy, nên gọi là Láng tượng.

Rắn ở Đồng Tháp có con to hơn bắp chơn, đã vậy, người nào mạo hiểm vào Đồng Tháp bị muỗi chít đập không kịp phải lấy tay mà vuốt và khi thọc chơn xuống nước thì bị vắt cắn đĩa đeo.

Muỗi và đĩa Cà mau đã nổi tiếng nhưng nếu so sánh với Đồng Tháp Mười, câu :

*Muỗi kêu như sáo thổi,
Đĩa lội tợ bánh canh,*

vùng Đồng Tháp cũng chẳng kém chi.

Về sông rạch thì con sông Cần Lố, tiếng Miên có nghĩa là « nước lộn » quanh co khúc khuỷu, hai bên mé sông mọc um tùm đé, nga, sậy cùng lau, lên đến gần một cái Tháp nằm giữa đồng.

Tháp này là một thứ tháp xây cất toàn bằng những tảng đá xanh to lớn, kiến trúc theo kiểu Đế Thiên Đế Thích trên Cao Miên.

Tháp tọa lạc trên một động cát tại ấp Tháp Mười, làng Mỹ tho, quận Cao lãnh, nay là tỉnh Kiến phong.

Một điều lạ lùng gần như kỳ dị là chung quanh vùng này chẳng có một ngọn núi nào, mà người xưa kiến trúc được cái Tháp bằng đá xanh thật cũng lắm công phu, nếu ta nghĩ rằng xưa kia sự chuyên chở vô cùng khó khăn và vùng Đồng Tháp là một nơi khí hậu hết sức độc địa, thêm đủ loại thú dữ ăn thịt người.

²⁰ Có nơi chép : Võ Duy Dương

Sau này, lúc ông Phủ Trần Văn Mẫn làm chủ quận Cao lãnh, ông có phúc trình lên thượng cấp nói về ngọn tháp ấy, nên năm 1931, ông Parmentier, nhà khảo cổ Viễn đông, đến tận tháp này để viếng.

Parmentier đọc những chữ trên mấy tấm bia đá sứt mẻ vì phong sương tuế nguyệt và tan tác ngổn ngang, giải nghĩa rằng đây là cây Tháp thứ 10 trong số 10 cái Tháp của vua nước Thủy Chân Lạp lập ngày xưa.

Vì thế mà dân chúng đã gọi cái đồng mênh mông có cái Tháp thứ 10 ấy là Đồng Tháp Mười. Đây chỉ là một giả thuyết mà thôi vì cái tên Đồng Tháp Mười đã có trước năm 1930.

Một mớ cổ vật như tượng Phật, đồ thờ bằng đá, bằng đồng, được đoàn khảo cổ đem về Sài gòn trưng bày ở Bảo tàng viện.

Theo lời Thiếu tướng Văn Là, nguyên chỉ huy trưởng khu chiến Đồng Tháp Mười thì đồng này có nhiều nguồn lợi thiên nhiên, chẳng hạn như có những địa cá nhiều vô số kể, có thể gọi là « Tiểu Biển Hồ » Cao Miên ở Nam Phần.

Và nếu Đồng Tháp được khai thác hẳn hoi thì trong một ngày gần đây, để là một kho tàng lúa và cá của miền Nam nước Việt.²¹

Mấy năm gần đây, quân đội Việt Nam Cộng Hòa đắp một con đường dài gần 50 cây số ngàn, nối liền quận Cai Lậy (Khiêm ích) với tỉnh lỵ Kiến Tường tức quận Mộc Hóa cũ, và cất một cái tháp 10 tầng, nhưng lại bị phá hủy, tiếc thay !

Theo kết quả khảo cứu của một nhà khảo cổ học là P. Pelliot thì đất Nam Phần xưa thuộc nước Phù Nam, lập quốc trên miền Tây nam bán đảo Đông dương, từ thế kỷ thứ nhứt cho đến thế kỷ thứ sáu, kể bị vua Chân Lạp xâm chiếm.

Và tòa Tháp gọi là Tháp Mười là công trình kiến trúc của vua Phù Nam Gunavarman là con vua Jayavarman để kỷ niệm sự lập hào vũng, lập một thánh đường để tôn thờ dấu chơn của Vishnou Thiên thần (Thái dương thần).

Kháng chiến

Thiên hộ Dương là người thế nào ?

Theo tài liệu của ông Nguyễn Văn Hầu²² thì Thiên hộ Nguyễn Duy Dương (hay Võ Duy Dương ?) là người miền Nam, một nhà hào phú như mộ dân điền được 1000 quân nên được Cụ Nguyễn Tri Phương phong làm Thiên hộ.

(Vào năm 1860, Cụ Nguyễn Tri Phương phụng mạng Triều đình Huế vào Nam tổ chức cuộc chống Pháp, mộ quân lập đồn điền, đặt thực hiện cuộc trường kỳ kháng chiến, như Gia Cát Khổng Minh xưa, lập đồn điền làm kế lâu dài phạt Ngụy).

Thiên hộ Dương là một người tài kiêm văn võ, sức mạnh hơn người, một tay nhỏ nổi một cây tre mỡ to (để đập giập làm lạt buộc những bè cản ngăn tàu Pháp trên sông rạch).

²¹ Theo tài liệu « Đường Về Đồng Tháp » của N.H.

²² « Thiên Hộ Võ Duy Dương » của Nguyễn Văn Hầu (Văn hóa nguyệt san số 50 tháng 5/1960).

Ông còn cử nổi năm trái linh²³, hai tay hai trái, hai nách kẹp hai trái và miệng cắn một trái, nên được nhiều người kính phục mà gọi là « Ngũ linh Thiên hộ ».

Hưởng ứng lời kêu gọi của vua Tự Đức và các ông Nguyễn Tri Phương và Phạm Thế Hiển, Thiên hộ Vương kéo cờ Cần vương, tổ chức những bộ đội du kích, phục kích, cướp đồn giết súng và thắng tay trừng trị bọn Việt gian mãi quốc cầu vinh.

Tổng hành dinh của Thiên hộ Dương đặt tại trung tâm cánh đồng, xung quanh cái Tháp.

Từ ngoài vô đến Tổng hành dinh, chỉ có ba con đường mòn, một đường từ gò Bắc chiêm (Mộc hóa) đi xuống, một đường từ rạch Cần lố (Cao lãnh) đi lên và một đường từ Cái nứa (Cái bè) đi tới.

Trên ba con đường ấy, Thiên hộ có lập ba cái đồn rất là kiên cố : đồn Tả trên đường đi Bắc chiêm, đồn Hữu hướng về Cao lãnh và đồn Tiền day ra Cái nứa.

Tiếp tế

Lúc ấy ba tỉnh miền Tây vẫn còn thuộc Nam Triều, chưa có sự chiếm đóng nào của quân Pháp, cho nên các quận Cao lãnh, Cai lậy, Mộc hóa, Hồng ngự, Sa đéc lãnh phận sự tiếp tế lương thực cho kháng chiến quân.

Về việc vận tải khí giới đạn dược thì dân chúng các miền Hà tiên, Rạch giá đảm nhiệm việc chuyên chở đến đồng Tháp Mười.

Nói tóm lại, dân chúng Việt Nam nhiệt liệt ủng hộ cuộc kháng chiến chống Pháp từ tinh thần đến vật chất.

Trong hàng ngũ kháng chiến

Sau khi các ông Trương Định, Nguyễn Trung Trực, Thủ khoa Huân lần lượt thất bại trong cuộc kháng chiến, nhiều đoàn thanh niên nam nữ xung phong vào đồng Tháp Mười chiến đấu dưới lá cờ Cần vương do Thiên hộ Dương lãnh đạo.

Dưới sự chỉ huy của ông, có trên 1000 binh, trong đó có nhiều lính Tagale (giống như lính lê dương, *légion étrangère* của Pháp) đào ngũ sang giúp ta để chống cự lại quân Pháp, bởi những lính Tagale phần nhiều là tù binh của Pháp ở Maroc, Algérie, Tunisie...

Những chiến sĩ Bắc Phi ấy, tuy ngôn ngữ bất đồng với ta, nhận thấy rằng không thể cầm súng chống lại đoàn quân kháng chiến Việt Nam.

Không những thế mà thôi, trong hàng ngũ kháng chiến còn có một người Pháp chánh tông tên là Linguet giúp ta chống lại đoàn quân xâm lược.

Chiến công oanh liệt

Tháng 7 năm 1865, Thủy sư đô đốc De la Grandière về Pháp, giao quyền chỉ huy cho Thủy sư đô đốc Roze ; ngày 22 tháng 7 năm 1865, Nguyễn Duy Dương từ mặt trận du kích biển ra mặt trận đại quy mô.

²³ Trái linh nặng một « yển » tức là 10 cân, lối 6 kí lô.

Từ Đồng Tháp Mười, đoàn nghĩa quân rần rộ kéo binh đánh phá Pháp quân ở Mỹ trà, Sa đéc.

Đô đốc Roze được tin cấp báo đem quân Pháp và Việt gian đến nghinh chiến, quân ta và quân Pháp kịch chiến suốt mấy ngày đêm liền. Quân Pháp hết sức chống cự nhưng không nổi, bị nghĩa quân hạ đồn, đốt chợ Mỹ trà và thiêu hủy của Pháp một chiếc tàu dùng liên lạc.

Trận này, quân Pháp chết hại rất nhiều và, sau khi thâm thập được súng đạn, nghĩa quân liền rút lui.

Thiên hộ Dương mở một mặt trận thứ nhì tấn công Cái bè, Mỹ quý, chọc thủng phòng tuyến của Pháp, đánh tan nhiều cánh quân Pháp đóng giữ vùng này, quân ta bắt sống được trên 50 quân Pháp và gần 100 Việt gian.

Bởi Roze thua ta liên tiếp mấy trận lớn, nên Chánh phủ Pháp triệt hồi ông ta về Pháp.

Về phần Nam Triều, hay tin Thiên hộ Dương gây tổn thất nặng nề cho quân đội Pháp, vua Tự Đức giáng chỉ phong chức Lãnh binh cho nhà ái quốc.

Quân đội Pháp phản công

Như trên đã nói, Tổng hành dinh của Thiên hộ bấy giờ ở giữa Đồng Tháp, chung quanh có đồn Tiền, Tả và Hữu, mỗi đồn có lũy đất bao bọc ở ngoài, cao hai thước và dày thước rưỡi. Trong và ngoài lũy đều có một hàng cừ bằng cây sao, lũy có cửa lỗ để bắn ra ngoài. Mỗi đồn có lối vài ba trăm lính, 10 khẩu súng và 4, 5 thớt súng bắn đá, vài khẩu đại bác.

Ở xa hành dinh, còn có nhiều hàng đồn nhỏ giữ các nẻo hiểm, cũng có binh sĩ và súng lớn phòng thủ.²⁴

Năm 1866, De la Grandière được phái trở sang Nam Kỳ. Vừa đến Sài gòn, De la Grandière khởi sự nghiên cứu kế hoạch tấn công Đồng Tháp.

Sau nhiều ngày chuẩn bị, tháng tư năm ấy, quân Pháp động viên lực lượng quân đội chia làm ba mặt tấn công Đồng Tháp.

Tư lệnh của Pháp quân gồm có mấy tướng :

- Boubée,
- Paris de la Bollardière,
- Gally Passebose
- Quân Tấn (Huỳnh Công Tấn)
- Huyện Lộc (Trần Bá Lộc)

Như thế, ta đủ hiểu rằng quân Pháp quyết đánh tan kháng chiến quân Việt Nam với chiến thuật cá lớn nuốt cá bé.

Ngày 15 tháng tư, quân Pháp bắt đầu tiến đánh Đồng Tháp.

Đại úy Boubée từ Cần lố qua, tấn công đồn Tiền. Lối 150 nghĩa quân chống cự mạnh mẽ, trung úy Vigny bị thương, nhưng quân ta bỏ đồn rút lui vào phía trong.

²⁴ « Thiên hộ Dương » (Nguyễn Văn Hào – Bách khoa số 51 trang 563).

Ngày 16 tháng tư, quân Pháp do đại úy Gally Passebose chỉ huy giao chiến cùng Việt quân tại một chiến lũy trọng yếu tức là đồn Tả ; 350 kháng chiến quân và nhiều lính Tagale với Linguet chống giữ đồn này với 40 đại pháo.

Đây là trận then chốt.

Quân Pháp áp dụng chiến thuật biến người tấn công mãnh liệt. Việt quân vì không đủ súng đạn, trước hỏa lực nặng nề của Pháp quân phải chịu rút lui, sau khi giết mấy chục lính Pháp.

Hạ được đồn Tả rồi, ngày 17 Gally Passebose với Trần Bá Lộc tiến tới Tháp Mười mà nghĩa binh đã rời bỏ và tan nát trong đồn.

Ngày tàn của Thiên hộ Dương

Lực lượng đã giảm, quân ta mở những trận đánh du kích ban đêm, gây nhiều thiệt hại cho quân Pháp.

Và sau một tuần tiến binh, ngày 26 tháng 4, quân Pháp gặp quân ta trong một trận lớn lao nhứt trong thời bấy giờ, trận đánh diễn ra tại Cái thia (Định tường).

Vì quân Pháp đông người, vũ trang đầy đủ, nên Việt quân thất trận, nhưng kháng chiến quân phần nhiều tự sát chứ không để quân Pháp cầm tù.

Kết quả trận Cái thia, quân Pháp chỉ bắt được của ta có vài tù binh, hai lính Tagale và người Pháp tên Linguet.

Trái lại, họ phải chịu một số tổn thất nặng nề, gần 200 tử thương và mất tích.

Sau cuộc thất bại này, nhà chí sĩ Nguyễn Duy Dương mang bệnh rồi từ trần.

Một thuộc tướng trung thành và đặc lực của ông là Đốc binh Lê Công Kiều nổi chí ông, hùng cứ cả một vùng Mỹ quý nhưng binh lực ta kém, nên không bao lâu, Đốc binh Kiều cũng thất bại và kháng chiến của quân đội Việt Nam Đồng Tháp lần lần tan rã.

Thiên hộ mất, nhân dân lập đền thờ ông tại Đồng Tháp và tên ông còn lưu truyền thiên thu trên miền Nam đất Việt.

Trong một cuộc sang chơi Đồng Tháp, nhà thơ Nguyễn Công Minh có làm câu đối diếu Nguyễn Duy Dương như vậy²⁵

*Âm hận anh hùng, tự Bắc tự Nam, Thập Tháp²⁶ hương yên trường diếu diếu ;
Kiên can tuấn kiệt, nhi kim nhi cổ, Ngũ Linh phong độ thượng y y.*

Dịch nghĩa :

*Ngậm ức anh hùng, tiếng nổi Bắc Nam, Thập Tháp lửa hương còn phới phới ;
Chắc gan tuấn kiệt, danh truyền kim cổ, Ngũ Linh dáng cách vẫn như như.*

²⁵ « Nguyễn Công Minh, một nhà thơ ... » của Nguyễn Văn Hào – Bách khoa số 79 – 15/4/1960.

²⁶ Tháp Mười.

Đề tưởng niệm cuộc kháng chiến anh dũng của ngài Thiên hộ, Chánh Phủ Việt Nam Cộng Hòa đặt tên đường *Tháp Mười*, một con đường trong quận VI, đô thành Sài gòn, đi từ đường Học Lạc đến đường Phạm Đình Hồ và đường *Nguyễn Duy Dương*, trong quận V, nối liền đường Nguyễn Trãi với đường Bà Hạt.

Máu biếc

Trương Hoàng đời Châu bị chết ở nước Thục, ba năm sau đào mả lên, người ta thấy máu không tiêu mà lại biến ra màu biếc.

Do đây, có điển « *Bích huyết* ». Máu biếc chỉ máu của những vị liệt sĩ đổ ra vì chánh nghĩa.

B.K. 87 – 15/8/1960

Chí phụng hoàng

Phụng hoàng là giống chim tượng trưng sự cao quý. Thành ngữ La tinh có câu : « *Aquila non capit muscas* » (Thượng hoàng không bắt ruồi) (*l'aigle ne prend pas de mouches*), ý nói người trượng phu không nên để lòng dao động vì những việc nhỏ, để đến nỗi làm hư việc lớn.

Câu trên cũng một ý với câu của Trình Di : « Khí tượng như chim phượng hoàng liệng trên mây xanh thì những lợi hại còn con không động được tâm nữa ».

B.K. 81 – 15/5/1960

Chương IV

« Tế Nghĩa Sĩ Trận Vong

Trong Sáu Tỉnh »

*Nhân sinh tục ổ thùy vô tử,
Lưu thủ đan tâm chiếu hãn thanh.*

Văn Thiên Tường

Tạm dịch :

*Từ xưa ai khỏi mạng chung,
Thác sao danh được sống cùng sử xanh.*

*Nếu phải đường đời bằng phẳng hết,
Anh hùng hào kiệt có hơn ai !*

Phan Sào Nam

Trương Định chết ở Gò công, Thủ khoa Huân bị đày sang đảo Réunion, Nguyễn Trung Trực thọ tử ở Rạch giá, Thiên hộ Dương tử trận trong Đồng Tháp Mười, Nam Kỳ mất hết tướng tài ba.

Trước cảnh Nước mất nhà tan, để tưởng niệm anh hùng chí sĩ, vị quốc vong thân, và cũng đáp lời kêu gọi của nữ sĩ Đoàn Thị Điểm :

*Chinh phu tử sĩ mấy người,
Nào ai mặc mặt, nào ai gọi hồn ?*

chúng tôi tưởng không gì hơn là mượn bài « Tế nghĩa sĩ trận vong trong Sáu Tỉnh » của Cụ Đồ Nguyễn Đình Chiểu cũng là một tay kháng chiến, để kết thúc thiên khảo cứu này.

(Trọn bài gồm có 37 câu, nay trích hai mươi câu ²⁷).

11) Man mác trăm chiều tâm sự,
sống những lo trả nợ cho đời ;
Phui pha một mảnh hình hài,
thác rồi bỏ làm phân cho đất.

12) Nghĩ nỗi anh hùng nạn nước,
bãi khô lâu nào mấy kẻ khóc than ;
Tưởng câu danh lợi tuồng đời,
trường qui hủy mặc dầu ai náo nức.
Ôi !

13) Lòng nghĩa dân phải với ngô quân,
Tiếng nghịch đảng lỗi cùng địch vức.

14) Gần : Côn lôn, xa : đại hải,
máu thây trôi nổi ai nhìn ;
Hàng cai đội, bực quân cơ,
xương thịt rải rời ai cất ?

15) Sống thời chịu nắng sương trời một góc,
khó đem sừng ngựa hẹn qui kỳ ;
Thác rồi theo mây ngút biển muôn trùng,
khôn mượn thơ nhàn đem tin tức.

16) Thấp thoáng hồn hoa phách quế,
lòng cổ hương gợi lại bóng trăng thu ;
Bơ vơ nước quỷ non ma,
hơi âm sát về theo luồng gió bắc.

Như vậy thời :

17) Số dẫu theo sáu nẻo luân hồi,
khí sao để trăm năm uất ức.

²⁷ « Nỗi lòng Đồ Chiểu » của Phan Văn Hùm, trang 92, 93, 94, 95

18) Trời Gia đình ngày chiều rắng bán,
âm hồn theo con bóng ác dật dờ ;
Đất Biên hòa đêm vắng trắng lơ,
Oan quỉ nhóm ngọn đèn trôi heo hắt.

19) An hà quận đang khi bạch trú,
gió cây vụt thổi,
cát xoáy bay con trốt dậy bên thành ;
Long tường giang mỗi lúc huỳnh hôn,
khói nước xông mù,
lửa đóm nháng binh ma trèo dưới vực.
Ôi !

20) Nhìn mấy chặn cờ lau trông sẫm,
mĩa mai trần nghĩa gởi bình tình ;
Thâm đòi ngàn ngựa gió xe mây,
mường tượng vong linh về chiếu lật.

21) Người lạc phách theo miền giang hải,
cung ngao lâu thần,
đành một câu thân thể phù trầm ;
Kẻ du hồn ở cõi sơn lâm,
lũy kiến đồng ong,
còn bốn chữ âm dung phảng phất.
Trời đất ôi !

22) Sống muốn cho an,
Thác sao rằng bức.

23) Dầu sớm thấy ngọn cờ diều phạt,
phận than dân đâu chẳng toan còn ;
Chưa kịp nghe tiếng trống an nhượng,
nghĩa quân phụ nào dè thoát mất.

24) Hoặc là sự như đất triều Tần mộ Sở,
cuộc can qua sống ở cũng ghê mình ;
Hoặc là e cho trời nam Tống bắc Kim,
đường binh cách thác đi cho khuất mặt.

25) Tiếc non nước ấy, nhân dân đường ấy,
gây sự này nào thấy phép tầy oan ;
Biết cha mẹ đâu, tộc loại ở đâu,
chạnh tình đó mới ra ơn diều truất.

26) Tuy uổng mạng, hãy chờ khi sách mạng,
sẵn vòng quả báo vẫn vương ;
Song oan hồn chưa có kẻ chiêu hồn,
khiến tâm linh đài bức tức.

.....

34) Cảnh Nam thổ phôi màu hoa thảo,
động tình oan nửa úa nửa tươi ;
Cối Tây thiên treo bức vân hà,
kết hơi oán chặn thừa chặn nhật.

35) Ngày gió thổi, lao xao tinh dã mã,
thoạt nhóm, thoạt tan, thoạt lui, thoạt tới,
như tuồng bán dạng tình bình ;
Đêm trăng lơ, giėjo giắt tiếng đề quyên,
dường hờn, dường mến, dường khóc, dường than,
đòi đoạn tỏ tình oan khuất.

36) Xưa nghe có bến sông Vị thủy,
lấy lẽ nhờn đầu tể đảng hồn oan ;
Nay biết đầu bãi cát Trường sa,
mượn của Âm phủ độ đầy qui ức.

37) Đốt lọn nhang trầm trời đất chứng,
chút gọi là làm lễ vãng vong,
Đọc bài văn tế quỉ thân so,
xin hộ đó theo đường âm chấт.

Chim Tinh Vệ

Con gái vua Viêm đế ngày xưa vượt biển chết chìm, hóa ra con chim tinh vệ, một loại chim nhỏ ở biển ngày ngày ngậm đá từ núi Tây bay về lấp biển Đông cho hả giận.

Do đây có điển : « *Diễn hải chí* », chí lấp biển như chí chim tinh vệ, chí chí khí lớn lao kiên trì, không bao giờ hao nhụt.

Đôi khi, cũng dùng để chỉ chí khí phục thù báo oán vì thâm hận, câu « *Tinh vệ hàm thạch* » (chim Tinh vệ ngậm đá) cũng có ý nghĩa như trên.

B.K. số 95 – 15/12/1960

Chương V

1) Hai chí hướng :

- Cử Trị
- và Tôn Thọ Tường

Trong lúc chồn bung biển, nghĩa quân Việt Nam, với võ khí thô sơ, đem tâm hồn ái quốc chống cự xâm lăng, nhẹ xem tính mạng, thì nơi thị thành, văn nhân thi sĩ, với ngòi bút lông tuy hình chất mềm mại nhưng cứng rắn tinh thần, nói lên những lời lẽ hùng hồn, kêu gọi đồng bào đứng lên, đền ơn ngọn rau tấc đất.

Ấy là phe *chủ chiến* : Nguyễn Đình Chiểu tức Đồ Chiểu, Phan Văn Trị, tục gọi là Cử Trị.

Trái lại, phe khác mà lãnh tụ là Tôn Thọ Tường thì đề xướng *chủ hòa*, hiệp tác cùng người Pháp.

Miền Nam nước Việt, nói đến Cử Trị và Tôn Thọ Tường, không mấy ai mà không biết.

Cử Trị (Phan Văn Trị : 1830 – 1910) sanh trưởng ở Gia định, thi đỗ Cử nhân khoa kỷ Dậu (1849) về thời Tự Đức, nhưng chí chẳng ham làm quan, ẩn dật dạy học trò, vui thú đồng quê, khi thì cày cuốc, lúc lại đi câu.

Tôn Thọ Tường (1825 – 1887) cũng gốc ở Gia định, thân phụ là Tôn Thọ Đức làm quan đến chức Thuận khánh Tuần phủ.

Thuở hai mươi tuổi, Tường học đã nổi tiếng, có ra Kinh xin tập ẩm, nhưng Triều đình không chấp thuận. Năm 1862, quân Pháp chiếm ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ, Tường ra giúp việc cho người Pháp.

Có lẽ trong việc làm quan này, Tường thành thật muốn tránh sự giết hại sanh linh, muốn canh tân trong xứ, song phe kháng chiến không chịu « thái độ đầu Tây » của Tường.

Trước dư luận phê bình nghiêm khắc, Tường làm bài thi « Tôn phu nhơn qui Hán » và mười bài thập thủ liên hườn, nhan là « Giang san ba tỉnh » để biện minh hành động của mình.

Tôn Thọ Tường im hơi lặng tiếng để hưởng cảnh phú quý là hơn, vì mấy bài thi văn của Tường cung cấp cơ hội cho Trị đã kích Tường thậm tệ.

Chính đây là câu chuyện văn chương kỳ thú giữa hai thi sĩ nổi tiếng thời bấy giờ, và thơ nôm của hai ông xướng họa, đối chọi nhau sang sảng trên đàn văn như hai lưỡi kiếm so tài đua sức bãi chiến trường.

Tôn phu nhơn qui Hán
của Tôn Thọ Tường

*Cật ngựa thanh gươm vện chữ tòng,
Ngàn thu rạng tiết gái Giang Đông ;
Lìa Ngô bịn rịn chòm mây bạc,
Về Hán trau tria mảnh má hồng ;
Son phấn thà cam dày gió bụi,
Đá vàng chi để thẹn non sông.
Ai về nhẩn nhủ Châu Công Cẩn,
Thà mất lòng anh đặng bụng chồng*

*Họa vận
của Cử Trị*

*Cài trâm sửa áo vện câu tòng,
Mặt già trời chiều biệt cõi Đông ;
Khởi tóa vùng Ngô xen thức bạc,
Duyên xe về Thục đượm màu hồng ;
Hai vai tơ tóc bên trời đất,
Một gánh cang thường nặng núi sông.
Anh hỡi Tôn Quyền anh có biết :
Trai trung thờ chúa gái thờ chồng !*

Ông Tường tỏ ý rằng mặc dầu ông giúp việc cho Pháp, ông không hề quên đất tổ quê cha : « ... bịn rịn chòm mây bạc » và không thẹn làm người trai đất Việt : « chi để thẹn non sông ».

Song ông hờ hênh trong luận điệu để câu kết bộc lộ chân tướng của ông là một kẻ xu thời : « Thà mất lòng anh đừng bụng chồng ». « Anh » đây là quốc dân Việt Nam mà « chồng » là Chánh phủ Pháp.

Bởi vậy, Cử Trị mới tặng cho ông mấy câu đích đáng : « Duyên xe về Thục đượm màu hồng ». Anh đã về với Pháp, tối rượu sâm banh sáng sữa bò, anh đâu còn nghĩ đến : « Một gánh cang thường nặng núi sông ».

nhưng mà, anh Tôn, anh phải biết : « Trai trung thờ chúa gái thờ chồng ». anh quên rằng trai trung không thờ hai chúa, anh chỉ biết có chồng mà không biết có chúa thì cái chí của anh chỉ là cái chí tầm thường của kẻ quần vện yếm mang mà thôi !

*Giang san ba tỉnh
Tôn Thọ Tường*

- I -

*Giang san ba tỉnh hãy còn đây,
Trời đất xui chi đến đời này ;
Chớp nhoáng thẳng bon dây thép kéo,
Mây tuôn đen kịt khói tàu bay ;
Xấn vắn chậm tính, thương đời chỗ,
Khấp khởi riêng lo, biết những ngày.
Miệng cọt hàm rồng chưa dễ chọc,
Khuyên đoàn con trẻ chờ thầy lay.*

*Họa vận
Cử Trị*

*Hơn thua chưa quyết đó cùng đây,
Chẳng đã nên ta phải thế này ;
Bến Nghé quân bao cơn lửa cháy,
Cồn Rồng đầu mặc bụi tro bay.*

*Nuôi muông giết thú còn chờ thưởng,
Bủa lưới săn nai cũng có ngày.
Đừng mượn hơi hùm run nhát khi,
Lòng ta sắt đá há lung lay.*

- Ý kiến của Tường rõ rệt : lực lượng của Pháp hùng hậu, nào là cơ khí khoa học, nào là tàu chiến súng đồng, dân quân kháng chiến chớ có thày lay mà chọc miệng cọt hàm rồng, mang lấy họa vào thân !

- Nhưng Trị cùng phe kháng chiến có chịu nhịn đâu, trước chánh sách tàn bạo xâm lăng « lửa thiêu Bến Nghé, Cồn Rồng tro bay », con dân trong Nước có phận sự đem toàn lực ra chống trả, đừng lấy tàu chiến súng đồng mà dọa nạt ai, không dễ lung lay lòng sắt đá.

- II -

*Thày lay lại chác lấy danh nhơ,
Ai mượn mình lo việc bá vợ ?
Trẻ dại, giếng sâu, lòng chẳng nở,
Đường xa, ngày tối, tuổi không chờ.
Áo xiêm đã thấy xấn tay thợ,
Xe ngựa nào toan gỡ nước cờ.
May rủi, rủi may đâu đã chắc,
Miệng lẫn lưỡi mới hầy tai ngơ.*

*Hoạ vận
Cử Trị*

*Lung lay lòng sắt đã mang nhơ,
Chẳng xét phận mình khéo noi vợ !
Người trí mắng lo danh chẳng chối,
Đứa ngu luống sợ tuổi không chờ.
Bàì hòa đã sẵn in tay thợ,
Việc đánh nên thua giống cuộc cờ ;
Chưa trả thù nhà đền nợ nước ,
Dám đâu mặt lập lại tai ngơ.*

- Tường bảo : phe chủ chiến đừng thày lay mà chuốc lấy danh nhơ, đừng làm chuyện bá vợ. Tương lai còn xa, tuổi chẳng chờ người, lo canh tân cải cựu là tốt hơn, ai có tài gỡ nước cờ đã thất ? Ông khuyên đoàn kháng chiến quân chớ nghe miệng lẫn lưỡi mới thù dệt xúi biếu, ông không nở để dân như trẻ dại phải sa xuống giếng sâu mà không một lời chỉ bảo.

- Trị đáp rằng, Tường chẳng xét phận mình lem luốt, còn khuyên bảo ai, người trí dầu chết cũng thơm danh, chỉ có đứa ngu mới sợ tuổi không chờ, nên lật đặt lo hưởng danh hoa phú quý ; như ván cờ đặng thất, việc binh gia thắng bại là lẽ thường, biết đâu nay thua mai được.

*Tai ngơ mắt lấp buổi tan tành,
Nghĩ việc đòi thêm hổ việc mình ;
Nghĩ ngút tro tàn nhà đạo nghĩa,
Lờ mờ bụi đóng cửa trâm anh.
Hai bên vai gánh năm giềng nặng,
Trăm tạ chuông treo một sợi mảnh ;
Trâu ngựa đầu kêu chi cũng chịu,
Thân còn chẳng kể, kể chi danh.*

*Họa vận
Cử Trị*

*Tai ngơ sao được lúc tan tành,
Luống biết trách người chẳng tránh mình
Đến thế còn khoe danh đạo nghĩa,
Như vậy cũng gọi cửa trâm anh.
Khe sâu vụng tính dung thuyền nhỏ,
Chuông nặng to gan buộc chỉ mảnh.
Thân có ắt danh tua phải có,
Khuyên người ái trọng cái thân danh.*

- Tường buồn phận mình vì trong buổi tan tành, nhà đạo nghĩa, cửa trâm anh không làm gì đáng, để cho nghĩ ngút tro tàn, lờ mờ bụi đóng. Ông cam chịu điều sỉ nhục, vì không thể gánh nổi việc Nước việc Nhà, vận Nước đến hồi nguy ngập, khác nào chỉ mảnh treo chuông nặng.

- Trị phản đối rằng lúc tan tành cũng phải hiểu phận sự mình hơn, không thể tai ngơ mắt lấp, đã thế thôi đừng khoe danh đạo nghĩa, cửa trâm anh, phải to gan gánh lấy việc khó khăn nguy hiểm, có thân ắt phải có danh, danh thơm hay tiếng xấu, phải xem thân danh làm trọng.

*Kể chi danh phận lúc tan hoang,
Biển rộng trời cao nghĩa lại càng ...
Lên núi bắt hùm chưa dễ lão,
Vào sông đánh cá há rằng oan.
Người trong mắt ngáo đôi tròng bạc,
Kẻ ứa gan trung bảy lá vàng.
Chiu chít thương bày gà mất mẹ,
Cùng là găng gỗ dám khoe khoang*

*Họa vận
Cử Trị*

*Thân danh chẳng kể thiệt thằng hoang,
Đốt sập nên tro lụi chẳng cần ;
Hai cửa trâm anh xô sập ngựa,
Một nhà danh giáo xáo tan hoang.*

*Con buôn khắp khởi chưa từng ngọc,
Người khó xăn vắn mới gặp vàng.
Thương kẻ đồng vắn nên phải nhắc,
Dễ ta đâu dám tiếng khoe khoang.*

- Tường lập lại rằng lúc tan hoang, không còn nói đến danh phận, có kháng chiến chăng cũng là việc miễn cưỡng, lấp biển vá trời, lên núi bắt hùm không được thì vào sông đánh cá có chắc ăn hơn không ? Ông thương dân quân chịu chết như đàn gà mất mẹ vì quân Triều đã thua.

- Trị tức giận cho rằng thân danh không kể, thật là kẻ hoang đàng ; Trị cho Tường là hạng xu thời, con buôn gặp vận, không còn gì là trâm anh danh giá, chỉ biết cái lợi riêng của mình nên cần phải nhắc nhở, vì tội nghiệp cho người hết biết luân thường Khổng Mạnh.

- V -

*Khoe khoang sức giỏi cậy tài khôn,
Bán dưng khua môi cũng một phần ;
Tư vẩn cánh chuồn khiêng trí nhện,
Gió đưa hơi cộp khiếp oai chồn.
Siêng lo há đợi cơm kẻ miếng,
Chậm tính nào ngờ nước đến tròn.
Hay dở chuyện trò còn rồi rắm,
Múa men xin hãy chớ bồn chồn.*

*Họa Vận
Cử Trị*

*Khoe khoang việc phải mới rằng khôn,
Kẻ đại người khôn há một phần ;
Hồng dẫu hư lông đâu sợ sể,
Hùm như thất thế cũng thua chồn.
Người Kham dễ sợ đao kẻ lưỡi,
Họ Khuất nào lo nước đến tròn.
Thấy máy gặp thì ta sẽ động,
Muốn nên việc lớn dám bồn chồn.*

- Tường mặt sát phe chủ chiến là khua môi múa mép không lo làm ăn để đến chừng tơ vướn cánh chuồn mới kiêng trí nhện và chồn không khiếp oai cộp hay sao ? Chừng nước đến tròn thì nhảy sao cho kịp !

- Trị quyết phải làm tròn nhiệm vụ con dân, hiểm nguy nào nài, chí chim hồng, bọn sể làm sao hiểu đặng, còn cộp khi sa cơ thất thế ắt phải thua chồn ; hiện thời, ta bình tĩnh đợi chờ, gặp cơ hội ta sẽ đẩy binh ngay.

*Hãy chớ bỏn chôn việc cửa nhà,
Sau này còn nghĩ nỗi đàng xa.
Ma đường cơn ngặt luôn hai trẻ,
Trời mỗn lòng thương sót một già.
Lái đã vững vàng cơn sóng lượn,
Thoi toan đản dật lúc mưa sa.
Ở đời há dễ quên đời được,
Tính thiệt so hơn cũng gọi là.*

*Họa vận
Cử Trị*

*Bôn chôn cũng bởi bận vì nhà,
Dám trách người xưa chẳng tính ra !
Hăm hở hãy đang hăng sức trẻ,
Chịu lòn e cũng mỗn hơi già.
Mỗi thơm cá quỉ câu không nhay,
Cung yếu chim cao bắn chẳng sa.
Đáy giếng trông trời trượng mắt ếch,
Làm người như vậy cũng rằng là ...*

- Tường lại khuyên hãy lo đến tương lai Nước Nhà, (nhờ nước Pháp) mà kịp thời cùng ngoại quốc, phải tính xa mới đặng, chớ lo kháng chiến mãi thì cũng như lúc mưa sa mới toan bề dật áo.

- Trị bảo hãy để cho đoàn thanh niên hăm hở đền nợ nước, đừng lấy mỗi phú quý mà dụ dỗ người chí sĩ, thân già (như Tường) chỉ có yên phận cúi lòn cho xong và Tường khâm phục nước Pháp chẳng khác ếch ngồi đáy giếng thấy bao nhiêu trời !

*Cũng gọi là người ắt phải lo,
Có hay chịu khó mới ra trò.
Bạc mệnh mông biển cầu lăm bắt,
Xanh mịt mù trời thước rắp đo ;
Bàn rộng tính qua cờ mấy nước,
Gác cao bỏ lại sách trăm pho ;
Lòng này đâu hỏi mà không hổ,
Lặng xét thâm soi cũng biết cho.*

*Họa vận
Cử Trị*

*Rằng là người trí cũng xa lo,
Nhuần nhả kinh luân mới phải trò ;
Ngay vậy nể ra cho biết mực,
Thấp cao trông thấy há rằng đo.*

*Xe Châu nào đợi kinh năm bộ,
Niếp Tống vừa đẩy sách nửa pho.
Chuồn miệng khen người nên cắc có,
Đạo trời ghét vậy há soi cho.*

- Tường lập lại một lần nữa là dân quân không tự lượng sức mình, chỉ lăm le bắt cầu qua biển, bẻ thước đo trời. Riêng ông, ông phải gác sách thánh hiền lại mà chịu khó nhọc ở cho hạp thời, hạp buổi ; lặng xét thâm soi, ông suy nghĩ thái độ mình thì không có gì đáng hổ.

- Nhưng theo Trị thì ai vậy ai ngay, ai cao ai thấp, há người đời không biết hay sao, cần gì phải khoe học rộng biết nhiều ; Trời ghét kẻ vậy, há soi chỉ cho tấm lòng của họ, không gì phải kêu van.

- VIII –

*Đã biết cho chưa, hỡi những người ?
Xin đừng tiết hận, chớ chê cười !
Vị dầu vật ấy còn roi dẫu,
Bảo quản thân này chịu dễ người.
Trăng giữa ba thu mây cũng tỏ,
Hoa trong chín hạ nắng càng tươi.
Khó lòng mình biết lòng mình khó,
Lòn lỏi công trình kể mấy mươi.*

*Họa vận
Cử Trị*

*Soi cho cũng biết ý là người,
Chẳng tiếc thân danh, luông sợ cười ;
Ba cội may đầu in lại cũ,
Đôi tròng trông đã thấy không người.
Ngọc lạnh nhiều vết coi không lịch,
Thợ vụng ít màu nhuộm chẳng tươi.
Đứa dại trót đời già cũng dại,
Lựa là tuổi mới một đôi mươi.*

- Tường nói rằng mình thanh cao mình biết, ví như trăng giữa ba thu, hoa trong chín hạ, sở dĩ mình giúp Pháp chỉ vì cực chẳng đã mà thôi, ai nấy chớ khá cười chê, đừng hờn giận.

- Trị cho rằng Tường sợ người cười hơn là trọng thân danh ; một mai ba tính lại trở về chủ cũ thì Tường còn mặt mũi nào mà nói ai ! Dầu có biện bác bao nhiêu thì cũng như ngọc lạnh nhiều vết, không còn oai lịch.

- IX –

*Kể mấy mươi năm nước lẽ vắn,
Rắn dài, heo lớn, thế khôn ngăn ;
Bốn đời chung đội hơn nuôi dạy,
Ba tính riêng lo việc ở ăn ;*

*Hết sức người theo trời chẳng kịp,
Hoài công chim lấp bể khôn bằng ;
Phải sao chịu vậy thôi thì chớ,
Nhắm mắt đưa chơn lối đạo hằng.*

*Họa vận
Cử Trị*

*Một đôi mươi uổng tính xăn vắn,
Đất lở ai mà dễ dám ngăn !
Nong nả đốc vun nên đạo nghĩa,
Xốn xang nào tưởng việc làm ăn.
Thương người vì nước ngồi không vững,
Trách kẻ cầm cân kéo chẳng bằng ;
Gió xăng mới hay sãng cỏ cứng,
Đôi theo người trước giữ năm hằng.*

- Thôi thì định mạng khiến sao phải chịu vậy, lo việc làm ăn cho xong, chớ cãi số trời, chớ lăm le vá trời lấp biển.

- Trị chẳng chịu khuất phục dưới thời thế, nghĩ rằng phải xem việc nước làm trọng, tưởng chỉ việc làm ăn, phải chống cự cho hết lòng hết sức, gặp lúc loạn ly mới biết người chí khí.

- X -

*Đạo hằng chi trước thảo cùng ngay,
Lối đạo sao cho đáng mặt thầy ;
Đất vỡ đã đành bia lỗ miệng,
Chén trần e nổi trở bàn tay.
Nghĩa đen dạy trẻ tranh còn lấp,
Mặt trắng xem trời cánh khó bay ;
Chỉ muốn ngày nào cho được toại,
Giang san ba tỉnh hãy còn đây.*

*Họa vận
Cử Trị*

*Năm hằng vốn thiết thảo cùng ngay,
Cuộc ấy ai xui khéo bận thầy ;
Gặp lúc chẳng may nên ngọng miệng,
Chờ khi thấy máy sẽ ra tay.
Nổi chìm mặc thế tình dày mỏng,
Cao thấp dầu ta sức nhảy bay ;
Một trận gió đưa xiêu ngã cỏ,
Hơn thua chưa quyết đó cùng đây.*

- Thảo cùng ngay đứng trước trong đạo hằng, nếu lỗi đạo làm sao đáng mặt thầy cho dạy. Danh tốt hay danh nhơ đã có tiếng đời bia miệng, sợ e cho ai đó trở tay không kịp mà thôi.

- Thôi thì ông cứ anh phận phục vụ người Pháp, để cho ta cùng đàn em mặc tình bay nhảy, quyết tranh thủ Tự do cho nước Việt Nam.

Khó khăn

Khó khăn không phải là hàng rào ngăn cản ta mà là bàn nhún để ta vươn lên cao bằng cách khắc phục nó

B.K. số 69 – 15/11/1959

Lao tâm, khổ lực

Người anh hùng muốn cứu nạn phù nguy, cần phải chịu lao tâm khổ lực (Tăng quốc Phiến)

B.K. số 73 – 15/1/1960

Quảng Thắng

Điền Quảng và Trần Thắng là hai người đầu tiên khởi binh chống nhà Tần bạo ngược.

Do đây, những người đầu tiên dựng cờ khởi nghĩa, phát động một phong trào cách mạng thường được mạng danh là « Quảng Thắng »

B.K. số 85 – 15/7/1960

Đứng như núi, tiến như gió

Binh thơ ví người có cơ mưu biết lựa thời thế, khi đứng thì như núi, không ai xô được, khi tiến thì như gió, không ai cản được : « *Chỉ như sơn, tiến như phong* ». Cổ kim có lẽ không có hình dung nào về người tráng sĩ đẹp và mạnh hơn.

B.K. số 89 – 15/9/1960

Xã tắc

Người xưa dựng nước rất quý trọng nhân dân.

Dân cần có đất ở, nên lập nền « *Xã* » để tế thần Hậu Thổ.

Dân cần có lúa ăn, nên lập nền « *Tắc* » để tế Thần Nông.

Mất Nước thì mất cả « *Xã* » lẫn « *Tắc* », nên người ta thường dùng tiếng mất xã tắc, để chỉ sự mất Quốc gia.

B.K. số 90 – 1/10/1960

2) Câu chuyện văn chương giữa :

**Huỳnh Mẫn Đạt
Và
Tôn Thọ Tường**

Tục truyền rằng, khi được làm quan ở Sài gòn, một buổi chiều, Tôn Thọ Tường ngồi xe song mã đi dạo chơi thành phố.

Đến « Bồn kèn », tức « Công trường Lam Sơn » ngày nay, Tường thấy Tuần phủ hưu trí Huỳnh Mẫn Đạt đứng ở ven đường coi lính Tây đánh nhạc.

Tường vội vàng dừng xe bước xuống.

Tuần phủ Đạt thấy vội Tường nên nép lại sau gốc cây và kéo sụp cái nón ngựa đang đội trên đầu. Tường bước lại chào, Đạt ngâm bài thi sau đây đáp lễ :

*Cừu mã năm ba dạo cặp kè,
Duyên đâu giải cấu khéo đề-ne ?
Đã cam bít mặt cùng trời đất,
Đâu dám nghiêng mày với ngựa xe ;
Hón hỏ trẻ dong đường dặm liễu,
Lơ thơ già núi cội cây hòe ;
Sự đời thấy vậy thì hay vậy,
Thà ản non cao chẳng biết nghe.*

Tôn Thọ Tường liền ứng khẩu đáp lại :

*Tình cờ gặp gỡ bạn tiền liêu,
Thi phú ngâm nga hứng gió chiều ;
Thế cuộc đời càng lắm lắm,
Thiên cơ mầu nhiệm hãy nhiều nhiều ;
Nước non đường ấy tình đường ấy,
Xe ngựa bao nhiêu bụi bấy nhiêu.
Hăm hỏ nhạc Tây hơi trời mạnh,
Nghe qua ngùi nhớ giọng tiêu tiêu.*

Bốn câu sau trong bài thi này thật vẽ ra cái cảnh đau khổ của người gặp cuộc đời mà phải quyền biến, chớ thiệt lòng nào phải khư khư nơi trường danh lợi, nhứt là chỗ

Xe ngựa bao nhiêu bụi bấy nhiêu.

nhưng Tôn mắc phải cái « bịnh » Định mạng : việc nước Pháp đô hộ Việt Nam là do Định mạng, chẳng khác Tần Thi Hoàng tóm đầu lục quốc là tuân thiên mạng, là do ý Trời ; các nước bị thống trị không nên chống cự lại, đi nược ý định của trời !!

Đó là quan niệm của mấy lão hủ nho chỉ biết « nằng bễ nào che bễ nầy » cho ẩm áo no cơm mà thôi !

3) Truyền Thị Của Tôn Thọ Tường²⁸

Nhân cuộc bút chiến giữa Tôn Thọ Tường và những thi sĩ Đồng Nai về hai chánh sách « chủ chiến » và « chủ hòa », chúng tôi xin đăng tải sau đây, công hiến độc giả, bài « truyền thị » của Tôn Thọ Tường bá cáo đồng bào lúc ông cai trị tại Vũng liêm (nay thuộc tỉnh Vĩnh bình), trong đây ông mật sát thậm tệ chí sĩ nghĩa quân chống Pháp và tự hào rằng thái độ phục tùng của ông và những « anh hùng lỗi lạc » (?) khác là hành động hiệp ý trời, là thức thời vụ !

*Ra lời truyền thị tỏ với nhân dân :
Làm người phải biết giả chân,
Chớ khá nghe lời huyền hoặc,
Xưa sáu tỉnh súng đồng giáo sắt,
Binh lương tiền túc chứa chan,
Ô lê tàu hải rõ ràng,
Thành tỉnh pháo đài nghiêm nhặt ;
Chơn lập, Xiêm la chư quốc,
Bỏ công, thủy chiến thủy không nhường ;
Chẳng trọn ngày đất vỡ, ngôi tan.
Xứ Gia định là đầu sáu tỉnh,
Sau những đại đồn Lãnh Định²⁹
Cũng là Mỹ quý, Tháp Mười³⁰
Có lương, có súng sẵn đông người,
Làm hết sức cũng không nên đáng.
Chẳng những là thiên mạng,
Cùng hiệp với nhơn mưu ;
Nên Triều đình trước đã hòa hưu,
Sau Kinh lược cũng đành giao cắt³¹
Thiếu chi kẻ anh hùng lỗi lạc,
Cũng phục tùng mà hộ quốc tì dân.
Còn như người minh triết bảo thân,
Thì thói độn mà an sanh lạc nghiệp.
Có chẳng phùng đạo kiếp,
Bày ra việc mộ quyền,
Ấy là chước kiếm tiền,
Ấy là mưu trốn nợ ;
Kiếm chỗ vắng mà bắt lính đòi lương tỏ mở ;
Khoe tài trong rừng bụi,
Khen cho hay múa gậy vườn hoang ;
Lừa hờ cơ mà phát cờ gióng trống nhện nhàng !
Muốn địch với quan binh,
Vi chẳng khác bắt cầu qua biển cả.*

Dẫu Tôn Thọ Tường có dùng lý lẽ nào đi nữa để biện hộ cho mình và lý luận gì để biện minh chánh sách của mình, sau khi xem bài truyền thị này, chúng ta không còn lời chi phê bình ông nữa !

²⁸ « Nỗi lòng Đồ Chiểu » của Phan Văn Hùm, trang 98-99.

²⁹ Lãnh binh Trương Định kháng chiến ở Gò công.

³⁰ Thiên hộ Dương chống Pháp ở Đồng Tháp Mười.

³¹ Ngày 20, 22 và 24/6/1867, quân Pháp chiếm ba tỉnh miền Tây : Vĩnh long, An giang và Hà tiên, quan Kinh lược là Phan Thanh Giản không chống cự.

« Phiến loạn »

- Dắt bọn phiến loạn vô !

Đại úy Rê-tanh (Crétin) đồng dục bảo.

Tái diễn cảnh Từ Hải cho Thúy Kiều dự việc quân cơ, ông cũng mời vợ là Lê Nương ngồi một bên, chứng kiến ông xử bọn « phiến loạn » ông mới bắt được hồi chiêu trong một cuộc hành quân đầy gian nan khổ sở, cho rõ cái oai nghiêm của một võ quan cao cấp Pháp, được trách nhiệm cao cả là bình định tỉnh Định tường.

Sáu nông phu lực lưỡng được dắt đến, mỗi người mang thương tích ít nhiều, chứng tỏ rằng nghĩa quân đã chống cự mãnh liệt ; anh nào cũng cương quyết, quất mắt ngó ngay đại úy cùng bọn quân nhân.

Bỗng đại úy phu nhân tái mặt : « Rõ ràng trước mặt còn ngờ chiêm bao ! » Ai bị bắt, bị trói đây ? Người chiến bại há không phải là Anh Dũng, cựu hôn phu của nàng ?

Chắc chắn Anh Dũng cũng nhận biết nàng, nên cau đôi mày rậm nghiêm khắc nhìn nàng rồi xây mặt nơi khác, lộ vẻ khinh bỉ.

Tấn tuồng diễn ra đêm nọ, cách đây đã sáu trăng, xuất hiện trong ký ức của nàng...

... Trong gian nhà lá cất dựa Rạch Chanh, phủ Tân an, trong một khung cảnh yên tĩnh, gió sớm mây chiều, đôi vợ chồng niên thiếu Anh Dũng và Lê Nương suốt đêm bàn cãi, chồng thì chủ chiến, vợ lại chủ hòa.

Vợ bảo rằng :

- Anh chẳng thấy sao, Triều đình vua quan ta đều hèn yếu, chẳng biết canh tân, lo cho Nước giàu Dân mạnh, cứ bo bo tưởng mình đã tốt bụng văn minh, cho những lời đề nghị cải cách của những nhân vật sáng suốt như Nguyễn Trường Tộ, như Phan Thanh Giản là nói xàm, dóc láo, mãi lo bắt đạo giết đạo có ích gì !

Chồng cười gằn đáp lại :

- Đã đành rằng vua quan ta tối tăm, không biết nghe lời can gián, cải tạo Nước nhà, song dầu ai điên cuồng thế mấy cũng phải thấy bọn người vong bản kia, lăm le đem nước Việt Nam hai tay dâng cho Pháp quốc thì Triều đình không thẳng tay đàn áp làm sao !

Lê Nương thở dài :

- Sự gây hấn kết quả thảm bại, bây giờ nước đã đến trôn, Pháp quân chiếm hơn phân nửa Nam Kỳ, súng to đạn tốt, quan lớn Nguyễn Tri Phương tài trí anh hùng và binh Triều thiện chiến còn không giữ nổi Chí hòa, huống hồ ông quân Chơn Nguyễn Trung Trực với một tốp nghĩa binh vũ khí thô sơ mà toan lấp biển cho bằng.

Tốt hơn là vợ chồng ta noi gương ông Tôn Thọ Tường, ông Trần Bá Lộc, ông Huỳnh Công Tấn, hiệp tác cùng ngoại bang để tạm cứu dân ta trong nước lửa và đem họ đến trình độ văn minh.

Anh Dũng cười to :

- Em chẳng nhớ câu châm ngôn « Quốc gia hưng vong, thất phu hữu trách », nghĩa binh ta sẽ kháng chiến đến viên đạn cuối cùng, quyết đem xương máu mà đến nợ non sông.

Em thì mềm mỏng noi gương Tường, Lộc, Tấn, anh lại cứng rắn theo dõi Trị, Định, Chơn³², vả lại « hơn thua chưa quyết đó cùng đây » mà !

Sau đêm ấy, Anh Dũng vứt áo ra đi.

³² Cử Trị, Trương Định, quân Chơn tức Nguyễn Trung Trực.

Từ ấy đến nay, phút chốc đã sáu trăng.

Rồi giờ phút này, éo le thay, hai vợ chồng có hai lập trường không dung hòa nhau đặt lại tình cờ gặp nhau, mà gặp nhau trong hoàn cảnh ly kỳ !

Lê Nương đang miên man suy nghĩ, bỗng nghe tiếng rồn rảng của đại úy Rê-Tanh quyết định :

- Mày không khai Trung Trực bây giờ ở đâu ? Mày không chịu dắt lính đi bắt nó ? Được, thiếu úy Loa (Loir), ông hãy chọn một tiểu đội đem sáu người này đi bắn.

Lê Nương hốt hoảng vụt dậy chụp vai đại úy, kêu lên :

- Á khoan, ông sao nóng quá Trương Phi, động một cái là bắn, là giết ! Ông để tôi ngồi đây làm gì ? Ông không biết người Nam chúng tôi ưa dịu ngọt, ôn hòa, ghét xằng xớm nộ nạt hay sao ? Ông chỉ được tài hăm dọa thì ma nào mà khai với ông !

« Ông để họ đó mặc tôi, rồi ông sẽ thấy kết quả.

Nghe vợ nói cho một hơi, đại úy Rê-Tanh gật đầu vuốt râu cười, truyền đem giam sáu tên « phiền loạn » dưới trại...

Canh ba.

Một cái bóng đen mảnh khảnh im lìm xuống trại, tra chìa khóa vào ổ, nhẹ nhẹ mở rồi bước vào trong. Sáu cặp còng tay đều được mở ra một cách lẹ làng. Có tiếng kêu nho nhỏ :

- Em !

và tiếng đáp :

- Anh ! Anh và các bạn hãy thoát ra mau, đây là gói bánh mì, đây là vật hộ thân. Anh hãy đi, không nên chậm trễ.

Nàng đặt vào tay chàng một khẩu súng lục.

Chàng bảo :

- Còn em, em phải theo anh, em ở đây em không khỏi chết !

- Không sao, sứ mạng của em chưa hết, em phải ở đây để cứu đồng bào.

Lê Nương lại dục dã :

- Anh và các bạn đi mau kéo trẻ mất.

Bọn nghĩa binh vừa ra khỏi trại giam thì, quỷ thần ơi, ác sát đã đứng lù lù trước cửa, « con chó lừa » chia hòng đen ngòm ngay chàng Anh Dũng...

... Đại úy Rê-Tanh lẩn qua trở lại trong giường nệm ruột gà, lăm bằm quạu quọ :

- Thằng cha văn sĩ nào mà ca tụng : « Oh ! Les belles nuits d'été ! » (Ồi, đêm mùa hè đẹp quá !) thật là dốt láo, đánh đánh đòn và cho ăn com lặt.

Nực nội không thể ngủ được. Ấu là ta đi rôn³³ một vòng xem sao.

Vói lấy cây súng lục trên giường, Rê-Tanh thông thả mở cửa qua phòng gác.

Hai anh lính canh giờ chào cúi rạp.

Ông lẩn mò xuống trại giam. Nghe tiếng xì xào trong trại, ông rất đổi ngạc nhiên, càng ngạc nhiên hơn khi chon ông đụng phải anh lính gác ngồi dựa vách ngủ ngáy khò khò.

³³ Đi rôn, đi tuần : faire la ronde.

Và khi sáu nghìn binh sắp giã từ vị cứu tinh thì lúc đại úy Rê-Tanh tới cửa.

Ông quát to :

- Đưa tay lên, không tao bắn nát óc bây giờ !

Năm người vụt chạy ra, một người đứng lại, cất súng nhắm ngay viên đại úy.

Một tiếng súng nổ vang, một cái thân mảnh khảnh lặn tròn... lại một tiếng súng nổ, một cây thịt đẩy đà ngã xuống.

Kế đó, súng trong đồn thi nhau nổ dòn dã một hồi, rồi trên cánh đồng ruộng mênh mông, ếch nhái bắt đầu ca khúc khải hoàn.

Nơi chơn trời xa xăm, ánh trăng hăm ba lạnh lùng giọi xiêng trên mặt đất.

Gà trong xóm cất tiếng gáy khàn khàn, chó buồn bực sủa trắng. Tọa hóa dường thông cảm tấn bi kịch vừa mới diễn ra, buông tiếng thở dài và rơi lụy trên cành cây ngọn cỏ.

Việt Nam Muôn Năm

Năm ấy, 1861, trên miền Nam đất Việt.
Làng Trường bình, một đêm đầy u ám.

Từ xóm này qua xóm kia, lâu lâu, tiếng loa gọi thanh niên nên vì Dân vì Nước mà sung vào đội quân ứng nghĩa, chống lại ngoại xâm, tranh thủ Độc lập.

Quốc vận đến hồi điên đảo.
Quân binh Pháp đánh chiếm Định tường. Thành Mỹ tho thất thủ, Hộ đốc Nguyễn Công Nhân trốn chạy.

Trước làn sóng xâm lăng, văn thân Việt Nam mộ ứng nghĩa binh chống cự.
Nguyễn Trung Trực đốt chiếc tàu « l'Espérance » tại vàm Nhựt tảo, Tân an.

Lãnh binh Trương Định thỉnh thoảng tập kích Gò công rồi rút vô « Đám lá tối trời » miền sông Soi rập mà ẩn trú.

Trong lúc ấy, một bọn người xu thời như Trần Bá Lộc, như Huỳnh Công Tấn « khôn ngoan » chạy theo ngoại quốc để chinh phạt dân ta.

Trong gian nhà lá, đêm nay, hết đứng lại ngồi, đi vô đi ra mãi, anh Lê Phong do dự không biết xử sự thế nào.
Từ hồi chiều, thân mẫu anh chẳng ngớt nhắc nhở anh phải đền ơn ngọn rau tác đất.

Chị Nguyệt, vợ anh, cũng khuyến khích anh nên hưởng ứng lời kêu gọi của Cụ Lãnh binh Trương Định.

Thậm chí bá Hai mới mười hai tuổi đầu mà cũng tiếc rằng mình không có tài như tiểu tướng Trần Quốc Toàn, chiêu mộ binh sĩ để « phá cường địch, báo hoàng ân ».

Đêm khi gà rộ gáy sáng, Lê mẫu thức giấc, hỏi Phong đã nhứt định hay chưa, chị Nguyệt thưa rằng chồng chị đã gói y phục lên đường hồi canh ba ; trước khi đi, Lê Phong có nói :

- Quân Pháp thế mạnh, đã chiếm ba tỉnh miền Đông, nước Nam đến hồi suy vi, dẫu có tài an bang té thế như Gia Cát Khổng Minh cũng khó cải trời choặng.

« Chống cự với Pháp, chỉ là lấy trứng chọi đá mà thôi ! »

Hai giọt nước mắt lăn tròn trên gò má nhăn nheo, của lão bà ái quốc.

Giọng run run, Lê mẫu than rằng :

- Tôi loàn con giặc, đồ khối nó đầu Tây tặc mà sát hại đồng bào.

- Má ơi má, hồi chiều con thấy cha con trong chợ với một tốp lính tây.

Bé Hai tức giận nói tiếp :

- Bà nội đoán không sai, cha con đã đầu giặc rồi, khổ quá, mắc cỡ biết bao nhiêu !

Chị Nguyệt thở ra, kéo con lại gần nói nhỏ :

- Thôi, đồ phản quốc, con đừng nhắc đến làm chi thêm nhục nhã, con hãy lo đại sự đây này.

« Theo lời chị Minh đã dò thám thì bọn quân Tây nhờ người điếm chỉ mà biết quan Lãnh binh (Trương Định) mới về trú ngụ ở Lý Nhơn ; chúng nó sắp mộ thêm lực lượng để đến vây bắt ngài.

« Vậy con phải đi cho chóng, tìm ngài hoặc người thân tín của ngài nói cho hay ý định của Tây như vậy, đừng ngài liệu mà thoát thân ».

Lãnh sứ mạng, bé Hai tất tả đi, nhưng trời không mặc hộ anh hùng khiến cho, mới đi được vài cây số, bé Hai đụng đầu một toán lính Tây đi tuần tiễu.

Hoảng sợ, bé Hai chung vô một bụi mām mà ẩn mình.³⁴

Rủi cho em, chó Tây cứ chung mỗ chỗ bé Hai núp mà sữa mām làm cho địch quân bắt được vị tiểu anh hùng.

Bất đồ, trong toán quân ấy lại có tên lính Lê Phong !

Phong đoán biết bé Hai ra khỏi làng tất có điều quan hệ chi đây, nên vặn hỏi mãi, khuyên dỗ, hăm dọa, hỏi Hai đi đâu, làm gì chỗ người ta đang hành quân mà đi đến.

Bé Hai điếm tĩnh trả lời rằng em đi Đồng sơn hốt thuốc cho bà nội.

Không lẽ « anh hùng » đến đổi tra khảo một đứa bé thật thà, viên thiếu úy Pháp chỉ huy đại đội bảo Hai bằng tiếng Việt :

- Mày hãy hô to « Pháp quốc muôn năm », tao sẽ thả mày ra.

Bé Hai cười khinh khinh, rồi quất mắt ngó từng người, nhìn Lê Phong rất lâu, làm cho người cha hèn nhất cúi mặt chẳng dám ngó em, bỗng em ưỡn ngực, lấy hết sức hô to :

« Việt Nam muôn năm ! »

Tiếng súng mót³⁵ nổ lên, xé bầu không khí êm đềm chốn thôn quê, một cái thây lăn xuống rạch...

Đất thăm trời sầu, gió lớn ào ào thổi, mây đen cuộn cuộn tuông, dường oán trách bọn xâm lăng hung hãn, rồi trợn ngày rả rích mưa sa, như thương, như tiếc đứa bé anh hùng, xem thường súng đạn !

³⁴ Cây mām là một loại cây mọc dưới nước dài theo mé rạch, giống loại bần, ở Nam Phần.

³⁵ súng mót, mousqueton.

Mục Lục

Chương I – Nguyên do nước Pháp xâm lược Việt Nam	5
Chương II – Lịch xâm chiếm và lịch kháng chiến	11
Chương III Những cuộc kháng chiến quan trọng :	20
- Trương Công Định	22
- Nguyễn Trung Trực	31
- Thủ khoa Huân	39
- Thiên hộ Dương	42
Chương IV – Tế nghĩa sĩ trận vong trong sáu tỉnh (Đồ Chiểu)	48
Chương V –	53
1) Hai chí hướng : Cử Trị và Tôn Thọ Tường	
2) Câu chuyện văn chương giữa : Huỳnh Mẫn Đạt và Tôn Thọ Tường	63
3) Truyền thị của Tôn Thọ Tường	64
Phụ lục – Truyện ngắn :	
- « Phiến loạn »	65
- Việt Nam muôn năm	68